

**Liên
Hoa
Sanh**
cảnh sách



*Con cúi đầu đánh lễ đức Bồ-
tát Liên Hoa Sanh, bậc cha đẻ
của Phật giáo Tây Tạng, người
đã phiên dịch và tập thành Đại
Tạng kinh, bậc Thầy trong các
bậc Thầy đã chỉ cho chúng con
lối đi hạnh phúc và an lạc vĩnh
hằng bất diệt!*

SỰ CHÀO ĐỜI CỦA THÁNH GIẢ

Ngài là vị Tổ khai sáng của phái Hồng giáo Tây tạng, sống vào khoảng thế kỉ VIII, người nước Ô trượng na, bắc Ấn độ (thuộc Pakistan ngày nay).

Trong xứ Uddiyana ở hướng tây Bodhgaya (Bồ Đề Đạo Tràng) có một hòn đảo trong Hồ Danakosha, nhờ ân phước của chư Phật, trên đó xuất hiện một hoa sen nhiều màu sắc. Đức Phật A Di Đà gởi từ giữa tâm Ngài một (chày) Vajra vàng có khắc

chữ ‘Hrih’ vào nụ hoa sen này và kỳ diệu thay, hoa sen chuyển thành một đứa trẻ tám tuổi tay cầm một chày và một hoa sen, được trang hoàng bằng những dấu ấn chính và phụ. Đứa trẻ ngụ ở đó và giảng dạy giáo pháp cao sâu cho chư Thiên và Dakini trên hòn đảo đó.

Vào lúc đó vị vua của xứ này là Indrabodhi, không có con. Ông đã cúng dường hết kho tàng của mình lên Tam Bảo và bố thí cho người nghèo để cầu con. Như một phương sách cuối để tìm ngọc như ý, Ông bắt đầu cuộc du hành đến Hồ lớn Danakosha với vị bộ trưởng Krishnadhara. Trên đường về trước tiên là Krishnadhara và sau đó Vua Indrabodhi gặp đứa trẻ kỳ diệu. Nhà Vua xem Ngài như kết quả của việc cầu con và đem Ngài về cung điện, ở đó ông đặt tên Ngài là Liên Hoa Sanh (Padmakara). Sau đó, ngài Liên Hoa Sanh được mời ngồi lên ngai bằng những viên ngọc quý và tất

cả dân chúng cúng dường rất nhiều.

Khi lớn lên, vị hoàng tử làm cho nhiều người cùng trưởng thành qua các môn thể thao và trò chơi thời thanh niên của Ngài. Ngài lập gia đình với Prabhadhari và cai trị vương quốc Uddiyana theo giáo pháp. Vào lúc nhận ngôi, Ngài thấy không thể đem lại lợi ích lớn lao cho người khác bằng việc làm cho đất nước phát triển nên Ngài xin Vua Indrabodhi cho phép thoái vị nhưng không được chấp thuận. Thế nên, trong một cuộc chơi, Ngài giả vờ làm ngọn giáo tuột khỏi tay và giết chết con của một bộ trưởng. Do vậy Ngài bị kết án lưu đày đến một nghĩa địa. Ngài sống ở Băng Viên, Hoan hỷ Lâm và Sosaling, thực hiện giới luật đạo đức của một hành giả yogi.

Trong thời gian này, Ngài nhận được quán đảnh và ân phước của hai Dakini là Đấng Hàng phục Ma Vương và Bạc Duy trì Cự Lạc. Khi triệu thỉnh tất cả Dakini của nghĩa

địa dưới lệnh mình, Ngài được biết là Shantarakshita.

Sau này Ngài gặp tám vị Đại Tri Minh Vương và thọ tám phần nghi quỹ. Ngài thọ nhận Maya Jala từ đại sư Buddha Guhya và Dzogchen từ tổ Shri Singha. Theo cách này, Ngài thọ nhận và học tập tất cả sutra, tantra từ rất nhiều học giả và những vị tổ đã thành tựu của Ấn Độ. Ngài rất thông tuệ, chỉ cần nghiên cứu một chủ đề chỉ một lần mà đã có linh kiến của tất cả Bốn Tôn không cần thực hành. Vào lúc đó, Ngài được biết là Loden Choksey và phô diễn cách thức viên mãn của bậc vidyadhara đẳng cấp cao tột.



LÊN ĐƯỜNG ĐẾN XỨ TÂY TẠNG

Năm 747, nhận lời thỉnh của vua Khất-lật-song-đề-tán, Sư cùng với các ngài Tịch hộ và Liên hoa giới cùng đến Tây tạng. Vua Tây tạng liền xây chùa Tang da ở phía đông nam thủ đô Lạp tát để các Ngài ở.

Khi Vua Trisong Deutsen, một hóa thân của Bồ tát Văn Thù, được 20 tuổi; trong Ngài hình thành một khao khát mạnh mẽ về Giáo Pháp thiêng liêng được phổ biến.

Ngài mời Bồ Tát Khenpo từ Ấn Độ, bậc đã dạy Thập thiện hạnh và Thập nhị nhân duyên.

Một năm sau, nền móng của một ngôi Đại tự đã xong, nhưng những tinh linh của Tây Tạng tạo chướng ngại và ngăn cản việc xây cất. Phù hợp với tiên tri của Ngài Khenpo, nhà vua cử năm người nhanh chóng mời thỉnh đại sĩ Liên Hoa Sanh. Biết trước việc này, Liên Hoa Sanh đã đến Manyul ở giữa Nepal và Tây Tạng. Trên đường đến miền trung Tây Tạng, Ngài đi qua Ngari, Tsang, và Dokham dùng thần thông thăm tất cả các khu vực, ở đó Ngài ràng buộc mười hai thiên nữ Tenma, mười ba Gurlha và hai mươi mốt Genyen phát thệ, cũng như nhiều tinh linh hùng mạnh khác.

Tại Rừng Tamarisk ở Hồng Thạch, Ngài gặp vua Tây Tạng và lên đỉnh Hepori thu phục quỷ thần. Ngài đặt nền móng cho tu viện Samye và trông coi từ đầu đến khi hoàn tất,

Ngài giao cho những quý thần trước đây gây cản trở việc xây cất phải làm việc. Trong 5 năm đã xây dựng xong một quần thể tự viện Samye Quang Vinh, Bát Biến và Thành Tụ Tự nhiên Vihara, bao gồm ba tu viện của hoàng hậu, các quần thể cung điện này đã xây theo biểu tượng núi Tu Di bao quanh bởi bốn châu lục, tám châu lục phụ, mặt trời, mặt trăng, và tường thành của núi sắt. Trong lễ thánh hóa, đã xảy ra năm dấu hiệu kỳ diệu.

Sau đó nhà vua ước muốn phiên dịch kinh điển và thiết lập giáo pháp, nên vua chọn những thiếu niên Tây Tạng thông minh học để thành những dịch giả. Ngài mời những Pháp sư thông hiểu Kinh, Luật, Luận từ Ấn Độ, nhờ Ngài Khenpo thọ giới cho bảy vị tu sĩ đầu tiên và dần dần thiết lập một tăng đoàn đã thọ giới. Bồ Tát Khenpo, đức Liên Hoa Sanh và các nhà hiền triết khác cùng Ngài Vairochana, Kawa Paltseg, Chog-ro

Lui Gyaltsen và những dịch giả khác đã trao tất cả Kinh điển Hiền và Mật của đạo Phật đang tồn tại cũng như những luận thư giảng nghĩa về chúng cho Tây Tạng.

Sư trụ ở chùa Na-lan-đà, học thông kinh điển Đại Tiểu thừa, bẩm tính cẩn trọng, khéo dùng các phương tiện trong việc giáo hóa. Vào thời đó, chùa Na-lan-đà là đại học viện Phật giáo lớn nhất thế giới, có khoảng 10.000 chư Tăng tu học. Bây giờ, những người khôi phục Phật giáo chuẩn bị xây dựng trở lại, trong tương lai sẽ cho khai giảng và hoạt động trở lại.



NHỮNG LỜI GIÁO HUẤN

Liên Hoa Sanh đã ban vô số giáo huấn thâm sâu và kỳ diệu khác liên kết với ba tantra nội cho nhiều đệ tử đã định trước, đứng đầu là nhà vua và những con trai và hai mươi lăm vị đệ tử ở Lhodrak, Tidro và nhiều nơi khác.

Sư còn để lại nhiều bài dạy được giấu trong rừng núi (bo. *gter ma*), chỉ được khám phá ra vào một thời điểm nhất định. Một trong những bài dạy đó là bộ Tử thư. Đệ tử quan trọng

và là người viết lại tiểu sử của Sư là bà Yeshe Tsog-yel. Sư có nhiều bài dạy đệ tử tu tập theo con đường ngắn nhất, trực tiếp đến Giác ngộ. Những bài khuyên dạy thường xoay quanh sáu điểm cụ thể như sau:

1- Đọc thật nhiều kinh sách, lắng tai nghe các vị Đại sư dạy bảo để nhập tâm rồi sau đó ứng dụng để tự thấy hiệu quả, sai trái;

2- Chọn một trong tất cả học thuyết này và chú tâm vào nó, tất cả những thuyết khác đều phải bỏ qua, ví như con điều hâu săn từ trên cao, chỉ chọn một con mồi duy nhất;

3- Sống khiêm tốn cần kiệm, không bao giờ tự nâng mình, đưa mình ra trước, bỏ ý muốn đạt danh vọng, quyền uy trong thế gian. Sau cái bề ngoài vô nghĩa này thì lại đưa tâm thức lên cao vút, vượt qua tất cả các danh hiệu chói lọi của tục thế;

4- Giữ lòng Xả (sa. *upekṣā*) đối với tất cả. Ăn uống như một con heo,

con chó, không chọn lựa, có gì ăn nấy. Không được cố gắng để đạt hoặc né tránh bất cứ một cái gì. Chấp nhận mọi việc như chúng đến, giàu sang phú quý hay cơ hàn, lời chê bai hay tán thán. Không phân biệt giữa đúng sai, thiện ác, thành bại. Không hối tiếc và cũng không hãnh diện, vui mừng về bất cứ việc gì đã làm (xem Bát phong).

5- Với tâm vô tư, không thiên vị mà nghe và quán sát tất cả những hành động lời nói của mọi người. Cứ nghĩ rằng, nhân gian là như thế, người này như vậy, người kia thế đó. Quán sát thế gian như một người đứng trên đỉnh núi nhìn xuống;

6- Cấp này không thể trình bày diễn tả. Nó tương ứng với sự trực giác tính Không, tương ứng với tính Không

Sư truyền bá pháp môn Du già bí mật ở Tây tạng, phiên dịch kinh điển, đồng thời hiện bày thần thông để thu phục sự qui hướng của người Tây tạng. Ngài là người đầu tiên truyền

Mật giáo vào Tây tạng, có 25 đệ tử chuyên việc phiên dịch kinh điển Phật từ Phạm, Hán sang tiếng Tây tạng, biên tập thành Đại tạng kinh Cam châu nhĩ của Tây tạng.

Ngài có các tác phẩm: *Ngũ chủng tam ma da, Thánh kim cương thủ thanh y thành tựu pháp ưu ba đề xá quảng thích chú, Kim cương tỳ phá đà la ni thích kim cương đấng, Cát tường thế gian tôn không hành thành tựu pháp, Bí mật thư trạng.*

Hiện tại, Ngài an trụ ở đẳng cấp Vidyadhara tự-hiện trong tướng quan nhiếp chính của Vajradhara (Kim cương trì), bất biến với thời gian chừng nào luân hồi còn tồn tại. Trần đầy lòng bi, Ngài lưu xuất nhiều hóa thân làm lợi ích chúng sanh. Thậm chí sau khi giáo huấn Vinaya (luật tạng) bị hư hoại, Ngài cũng sẽ xuất hiện với những hành giả tantric. Sẽ có nhiều đệ tử đã định trước thành tựu thân cầu vòng. Trong tương lai, khi đức Phật Di

Lạc xuất hiện đến thế gian này, đức Liên Hoa Sanh sẽ hóa thân là một người được biết là Drowa Kundul và truyền bá giáo huấn của Kim Cương Thừa cho tất cả người xứng đáng.



THÂN NGƯỜI QUÝ BÁU

Con cúi đầu đánh lễ mười phương vô thượng Tam bảo, nhờ Phật, Pháp, Tăng đã chỉ con đường mà chúng con có được thân người quý báu lành lặn, sung túc và tự do. Chúng con nguyện tận lực thực hành và hoằng dương, suốt cả cuộc đời trên con đường chánh pháp!

Những lời cảnh sách dưới đây được Đạo sư giảng dạy cho các vị đệ tử và ghi chép lại từ sự ghi nhớ của các người học trò với lòng tôn kính Thầy.

Lời văn tha thiết, mạnh mẽ như tiếng sấm vang rền phá tan đi sự mờ tối âm đảm của đêm dài sinh tử, đánh thức những ai còn đang ngủ say trong cõi mộng. Thấy biết của Ngài triệt để tận cùng ‘xuyên suốt vạn pháp’, tấm lòng từ bi vô hạn cảnh tỉnh nhân tâm, như lời mẹ khuyên con, như lời cha dặn bảo, đó là ý nghĩa của ‘văn cảnh sách’.

“Chúng ta phải thực hành một giáo lý đem lại giải thoát khỏi sinh tử luân hồi. Nếu chúng ta không làm được điều đó thì sẽ cực kỳ khó khăn, có được một thân người với tự do và sung túc như thế này”.

Đạo sư khuyên nhắc chúng ta để có được thân người tự do khỏe mạnh, minh mẫn ở trong sáu nẻo luân hồi: Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sinh, Trời, Người, A-tu-la là điều không phải dễ.

Có rất nhiều ví dụ để minh họa cho điều Ngài dạy như sau:

Ví như một người sẽ gặp khó khăn để đi tìm dấu tích của hạt đậu khi

bị quăng vào trong vách tường.

Một hình ảnh khác về một người đưa lỗ kim lên và từ xa có người khác lấy hạt mè liệng cho hạt mè xuyên qua lỗ kim, điều đó cũng rất nan giải.

Liên hệ trong kinh *Pháp hoa* là câu chuyện về con rùa mù dưới đáy biển mỗi 100 năm mới nổi lên một lần nhưng đúng ngay lúc bong cây trôi ngang, nó chui vào trong đó, nhờ thế được đưa vào trong đất liền. Tất cả những tỷ dụ trên đều so sánh về việc để có được thân người cũng khó giống như vậy, thậm chí còn hơn thế nữa.

Ngài lại cho ta thấy về hình ảnh một đồng lúa cao như núi, được so sánh rằng bao nhiêu chúng sanh trong ba đường ác như chịu khổ không cùng cực ở trong cảnh tối tăm ở Địa ngục, đói khát trong đường Nga quý, ăn nuốt lẫn nhau ở loài Súc sinh và sự hơn thua tranh đấu của A-tu-la, là hơn nửa đồng lúa đó. Còn chóp đỉnh chỉ cho chư Thiên và loài người.

Theo tinh thần kinh *A-hàm*, loài người là tối thượng, có khả năng ghi nhớ, chịu đựng và gìn giữ phạm hạnh thù thắng vượt hơn cả chư Thiên. Trong loài người do có sự khổ, nên dễ phát tâm tu và ký ức của nhân loại có lịch sử. Qua đó, mình soi gương kim cổ, mau chóng liễu ngộ được lẽ vô thường biến đổi của thế gian.

“Dầu cho có khó khăn ấy, con có được một thân người qua phước đức quá khứ, nhưng cũng còn khó khăn để thực hành pháp thiêng liêng, nếu như con không có đầy đủ giác quan như điếc, đui, câm, ngọng. Nếu con tái sinh giữa những người sơ khai và hoang dã cũng không có cơ hội thực hành chánh pháp. Nếu con sinh ra trong một gia đình tà kiến hư vô của ngoại đạo cực đoan thì con cũng sẽ không đi vào giáo pháp của Phật.”

Tuy nhiên để có đủ những điều kiện như vậy, Đạo sư nói chúng ta rất khó khăn để học pháp nếu như không

đủ khả năng để thấy, nghe và nói năng là những điều thuộc trong tám nạn, đức Phật nói đến trong các Kinh. Nếu chẳng may sinh vào những vùng sơ khai hoang dã, dụ như những người dân tộc, tiếng nói chẳng rành, không gặp được Tam bảo... thậm chí đối với những vùng xa hơn nữa một tiếng niệm Phật cũng không nghe được, một cái lay cũng không biết cho đến suốt cả đời. Và nếu ta chào đời trong một gia đình tà kiến không tin Phật giáo, bản thân cũng không có cơ hội để tiếp cận chánh pháp.

“Chúng ta đã được những điều khó được: ‘một thân người quý báu, giác quan toàn vẹn, chúng ta có thể gặp các bậc thầy cao cả, có quyền chọn lựa điều gì chúng ta muốn làm, có thể đi vào Phật Pháp, thực hành pháp thiêng liêng và cùng ở chung với tăng chúng. Nếu vào lúc này ta không áp dụng giáo lý đưa đến giác ngộ và giải thoát, thân thể quý báu này sẽ vô cùng lãng phí”.

Trong kinh điển thường nói: “*Thân người tạm bợ mong manh trong một hơi thở*”, nhưng ở đây lại nói thân này quý báu vô cùng, như thế có mâu thuẫn? Khi nói thân này giả dối không thật, có rồi mất đó nhằm nói lên tính chất vô thường để cho ta buông xả đừng bám chấp mà phải chịu đau khổ, biết tranh thủ thời gian quý báu của kiếp người để nỗ lực tu học. Nếu không thấy rõ điều ấy sẽ cho thân này bền chắc, vì vậy nói vô thường để phá chấp thường.

Nói thân này quý hơn tất cả bảy báu trong thế gian để cho con người thấy được giá trị cùng tột của thân này trong sáu nẻo luân hồi. Nếu không, ngày qua tháng lại, mỗi khoảnh khắc trôi đi chúng ta cảm thấy bình thường và có thấy gì là quý nơi thân này, thậm chí có người tình cảm không được như ý lại đi tìm cái chết. Xã hội có lắm các cậu thanh niên chơi những trò đua xe mạo hiểm đến nỗi phải vào bệnh

viện hoặc là vì sự tức giận mà đâm chém, giết hại lẫn nhau. Họ không biết rằng sau khi mất thân người, sẽ phải chìm sâu xuống ba cõi thấp tận cùng dưới đáy của lục đạo luân hồi, do cận tử nghiệp với tâm oán hận, khổ đau mà chiêu cảm cảnh giới xấu ác. Cho nên, chúng ta phải luôn cảm thấy hạnh phúc, vui sướng vì mình đặc biệt hơn tất cả những chúng sinh trong năm đường khác mà tinh tấn thực hành giáo pháp!

Chúng ta không thể biết được ngày mai và cái chết cũng không có hẹn trước với mình, vì thế được sống ngày nào hãy biết trân quý. Nhân sinh mê lầm không thấy thân này là quý báu chỉ nghĩ đến những vật ngoài thân. Hiện tại, lại không cảm thấy hạnh phúc với những gì đang có, thấy người khác được điều này cái nọ, thì so sánh phân biệt rồi cảm thấy khổ đau.

Hòa thượng Làng Mai, chỉ cho chúng ta mỗi khi mới thức dậy nên

đọc bài kệ:

*Thức dậy miệng mỉm cười,
Hai bốn giờ tinh khôi,
Xin nguyện sống trọn vẹn,
Mắt thương nhìn cuộc đời.*

Miệng mỉm cười vì ý thức được ta còn có mặt trong ngày hôm nay, chính là sự mầu nhiệm, là phút giây tuyệt vời. Có cơ hội thấy được bình minh, nghe tiếng chim hót, cảm nhận được làn gió thoảng, cành trúc lay. Nhìn xa xa trùng điệp núi đồi, mây sương mù giăng huyền ảo. Mỗi khoảnh khắc trong 24 giờ đều mới, chính từ việc ta biết tiếp xúc cho sâu sắc với sự sống. Sống trọn vẹn có nghĩa là khả năng mình biết an trú trong chánh pháp, nơi mỗi câu Phật hiệu, luôn tỉnh thức chánh niệm, nhận biết được mọi việc mình làm, đó gọi là trọn vẹn một ngày, trọn vẹn một giờ, trọn vẹn từng giây phút của sự sống.

Sự giác tỉnh trong từng hơi thở, lời nói, bước chân, hành động là nói bên

trong nội tâm. Còn bên ngoài thì dùng mắt thương để nhìn cuộc đời, nhìn mọi người bằng sự trân trọng, cảm thông, bao dung, tha thứ. Kiếp người trân quý là vậy!

“Chớ trở về trắng tay khi đến đảo châu báu, chớ có lần lựa trong sự đói nghèo khi đã gặp kho tàng vô tận. Chúng ta phải vượt qua đại dương khi có thuyền bè, chớ có để cho chiếc thuyền thân này tuột mất.”

Chúng ta đã vào trong Phật pháp giống như đã đến được đảo châu báu, ở trong tông lâm tự viện giống như vào kho tàng của ‘Chánh pháp Nhân tạng’, đừng để phải đi về tay không. Phải nắm cho được ít nhất một vài bảo vật như pha lê, xa cừ, trân châu, mã não, san hô, hổ phách, vàng ròng hay là kim cương, hơn nữa là ngọc như ý. Đừng có ở đây chỉ thấy cơm cháo vật thực, đừng có ở đây chỉ thấy vẻ đẹp của những căn nhà, không khí mát mẻ, sương mù núi đồi cảnh đẹp...

Tất cả những thứ đó người đời đều có thể thấy được, người tu phải thấy được chân lý giải thoát về sự thật vô thường biến đổi các pháp, sự sinh diệt của thân tâm năm uẩn, thấy được tính chất vô ngã nương tựa kết hợp của vạn vật; thấy được hơi thở vay mượn; thấy được câu Phật hiệu quý báu của vạn đức hồng danh, như thế là tìm ra được báu vật. Nương nơi chiếc bè thân thể này mà vượt qua đại dương sinh tử để đến bờ an vui giải thoát!

“Bây giờ là lúc phân cách sinh tử khỏi Niết-bàn, hãy vui vẻ nỗ lực trong thực hành. Bây giờ là điểm phân chia giữa hạnh phúc và khốn khổ, chớ có thu xếp cho tai họa của chính mình. Bây giờ là lúc khi những con đường đi lên và đi xuống phân chia, chớ có nhảy vào vực thẳm các cõi thấp”.

‘Bây giờ là lúc phân cách sinh tử khỏi Niết-bàn’. Ngay đây hiện giờ, chúng ta phải thể nhập Niết-bàn vượt khỏi sinh tử. Tâm niệm gì là sinh tử?

Đúng sai, cao thấp, hơn thua, được mất, nhân ngã, tham, sân, si là sinh tử. Dùng câu Phật hiệu phá trừ hết những ý niệm sinh tử, ở trong hơi thở làm lắng dịu hết thấy những vọng tâm. Từ nơi sự quán chiếu vô thường, khổ, không, vô ngã của các pháp làm tiêu mòn hết tất cả các nhận thức mê lầm. Mỗi một lay trước đức Phật tất cả những nghiệp chướng, tập khí, ngăn che tuệ giác được chuyển hóa. Khi đó, núi tu di nhân ngã sụp đổ, tường đồng vách sắt vô minh thấy đều biến diệt.

“Bây giờ là điểm phân chia giữa hạnh phúc và khổ đau, chớ có thu xếp cho tai họa của chính mình”.

Biết rõ ranh giới giữa hạnh phúc và khổ đau, chọn con đường hạnh phúc để đi đừng toan tính, sầu lo, những điều đó chỉ đưa đến tai họa cho chính mình của đời này và kiếp sau. Dứt hết tất cả những tâm nghĩ suy buồn phiền, giận hờn, lo lắng, sợ hãi... trụ vững trong pháp, đau khổ không còn thì

hạnh phúc sẽ có mặt.

“Bây giờ là lúc khi những con đường đi lên và đi xuống phân chia, chó có nhảy vào vực thẳm các cõi thấp”.

Trong giờ phút hiện tại, mỗi tâm niệm sinh khởi tương ứng với tham luyến, sân hận, si mê làm lạc, ràng buộc chấp ngã sẽ đưa ta đi xuống ba cõi thấp, trái lại mỗi ý niệm nhận thức sâu sắc quay trở về công phu hành trì ngay lúc ấy ta sẽ vượt lên trên, không phải chỉ dừng lại ở như Thiên thừa mà là có thể vượt lên đến thế giới giác ngộ của Bồ-tát, đến được tịnh độ chư Phật.

“Bây giờ là lúc chỉ ra sự khác biệt giữa trí và ngu chó có do dự hay nhìn sống. Bây giờ là lúc để có được công đức chó có bận rộn tiếp tục tay không. Bây giờ là lúc để thấy ai là người vĩ đại hay ngu ngốc chó có tìm kiếm giác ngộ vì lợi danh”.

Pháp chúng ta đã nghe hiểu ví

như mặt trời ở trước mắt, mặt trăng soi tỏ rạng. Chánh pháp hiện tiền, tại sao còn ấp úng, ngơ ngảng không chịu tiến tu ? Trong Sám Thảo lục có câu: “*Đã thấy đường sao chưa dõn bước, còn tiếc chi chân bước lờ đờ?*”, là nói về sự nghĩ suy của những ai mà tâm còn e ngại, thấy đường vẫn chưa chịu đi, tiếc nuối lựa chọn ‘nên’ hay là ‘không’? Cố gắng tìm cầu trong tai họa của ngũ dục, từ những tài sản khóa chặt ta trong ngục tam giới.

Ở đây, ngài Liên Hoa Sanh nói “*bận rộn mà vẫn tay trắng*”, nghĩa là làm mà lại chấp trước. Do vậy, khi ta làm điều gì phải thấy cho sâu sắc trong bản chất công việc ‘không bị vướng mắc trong việc làm’, từ đó sẽ phát sinh ra công đức.

Đạo sư nói cần phải phân biệt rõ ai là người ngu, kẻ trí. Trong mỗi chúng ta, ai cũng nghĩ là mình rất thông minh, khôn ngoan, nhưng dưới nhãn quan đạo Phật gọi đó là ‘vô minh’.

Người đó thấy như rất giỏi, phân biệt rạch ròi từng chút một, gặp chuyện gì cũng tính, hơn thua nhân ngã, Ngài Liên Hoa Sanh cho đó là ngu ngốc. Trái lại, người trí tuệ là sự siêu việt lên trên thấy biết.

Trong trường hợp này có thể phân ra làm ba hạng người:

- Hạng thứ nhất, không hiểu biết gì, dễ bị người gạt.

- Hạng thứ hai, biết rất rõ, biện biệt rành rẽ, nhưng lại chấp trước nên khó.

- Hạng thứ ba thông suốt hết mọi điều mà vượt thoát tri kiến, chỉ vì để thực hành Bồ-đề tâm và Đại bi tâm.

Lắm lúc, chúng ta cũng nhìn thấy một số người lớp dưới mới biết được một ít thì bèn nhìn những người ở trên với tâm ngã mạn, chê bai cả những bậc trưởng bối.

Trong kinh *Lăng nghiêm* đức Phật có dạy: “*Tri kiến lập tri tức vô minh bản, tri kiến vô kiến tư tức Niết-bàn*”, nghĩa là thấy biết mà vương trong sự

thấy biết tức là gốc của mê lầm, thấy biết mà không kẹt trong sự thấy biết đó là lạng lẽ của Niết-bàn. Có những khi ta thấy một vài người không biết cũng muốn tỏ ra là biết, thế nên người xưa có câu: “*Biết thì nói, không biết thì phải nghe*”. Đức Khổng tử cũng khuyên: “*Biết thì nói là biết, không biết thì nói là không biết, như thế gọi là biết*”.

Trong *Quy Sơn cảnh sách* có hai hình ảnh ví dụ để nói lên căn tánh của hai hạng người:

- Một là hạng người có thể đứng vững cao vót, chịu lạnh nóng, bất cứ hoàn cảnh nào cũng hiên ngang sừng sững như tùng bách, gọi là đại căn.

- Hai là hạng người được dụ như là loại sắn bìm bò dưới đất, nhưng được Tổ Quy Sơn đem lời khích lệ, để phát tâm hướng thượng: “*Há chẳng thấy dây sắn, dây bìm nương cây tùng vươn cao ngàn trượng, dựa vào nhân lành thù thắng mới có được lợi ích*

rộng lớn”. Có khi chúng ta tự biết mình thuộc loại sản bìm mà lại tự phụ, chẳng chịu nương nơi các bậc đại thiện tri thức có đạo hạnh, những bậc minh sư thiện hữu tâm cầu giáo nghĩa, khai mở tâm trí. Không chịu nương nhân thù thắng của chánh pháp, do vậy dù cho trăm năm cũng như sản bìm bò dưới đất.

Ngài Liên Hoa Sanh lại nêu lên mục đích cao thượng của bậc xuất thế, không nên vì lợi danh mà học đạo hoặc vì muốn được tiếng tăm mà hăng hái làm mọi việc để được tán dương, cúng dường, quý kính tôn trọng của người khác. Tất cả những sự cố gắng đó chỉ là để luân hồi sinh tử, đưa đến khổ đau không phải để giải thoát. Vì mục đích thấu suốt chân lý mà tinh tấn thực hành giáo pháp thì mới thật sự tâm cầu giác ngộ chân chánh.

“Bây giờ mới biết ai là người tốt hay xấu, hãy vất bỏ các đeo đuổi thế

gian. Bây giờ được ví như chỉ có một buổi ăn trong một trăm ngày, chớ làm như con có đầy đủ thời gian. Bây giờ là lúc sự tai hại của một phút giây lười biếng sẽ có hậu quả dài lâu. Hãy vui vẻ nỗ lực trong tu hành! Bây giờ là lúc chỉ một năm kiên trì sẽ đem lại hạnh phúc cho mọi đời sắp tới. Hãy ở thường trực trong thực hành giáo pháp! Ta luôn xót thương cho những ai, rời bỏ cuộc đời này với hai bàn tay trắng”.

Đến đây ngài Liên Hoa Sanh, cho chúng ta thấy giá trị của kiếp người trần quý khi ta thực sự dành trọn mỗi khoảnh khắc để sống trong pháp.

“Bây giờ mới biết ai là người tốt hay xấu, hãy vất bỏ các đeo đuổi thế gian”. Tốt xấu mà Ngài nói không phải được hiểu theo nghĩa thông thường. Tốt là chỉ cho chỗ ‘chí thiện’, nghĩa là cùng tốt của sự tốt lành. Ngay trong một niệm tu hành thấu suốt vô thường, vô ngã, buông bỏ được tham

chấp, chỗ đó gọi là cái thiện hoàn hảo, không phải đeo đuổi theo người đời. Thế gian thì có tốt xấu, được mất, hơn thua, khen chê, cao thấp... bất cứ lúc nào tâm bị rơi lọt vào vòng đối đãi đó sẽ làm mất đi tánh an tịnh nơi tâm.

Những vị lớn tuổi, cả một đời theo đuổi kiếm tìm đã thấy đầy đủ chưa? Thật sự không bao giờ có được điều như ta mong muốn, dầu cho bản thân có thể trở thành người triệu phú, tỷ phú thì cũng không thấy mãn nguyện. Biết đủ thì liền đầy đủ, đợi đến đầy đủ bao giờ mới đầy đủ! Hãy vất bỏ mọi sự đeo đuổi theo sự nghiệp, tài sản, địa vị, tình ái của nhân thế. Ngay trong giờ phút hiện tại, bản tâm thanh tịnh đã có đầy đủ tất cả!

“Bây giờ được ví như chỉ có một buổi ăn trong một trăm ngày, chớ làm như con có đầy đủ thời gian”.

Quý trọng pháp giống như một trăm ngày mới có một bữa ăn. Đến giờ tu học phải luôn phấn chấn tinh thần,

trong niềm hân hoan phát lên tư tưởng ‘hiếm có khó được’.

“*Một phút giây lười biếng sẽ là tai họa của bản thân trong muôn kiếp*”. Ví như trong thời pháp thoại, nếu không vắng mặt chúng ta sẽ có thể lắng nghe được người thầy soi sáng đúng ngay tập nghiệp của bản thân hay là điều đang ưu tư suy nghiệm và còn thắc mắc và làm mất đi cơ hội ngàn năm có một; hoặc như chúng ta có tham dự trong thời pháp đó, nhưng lại ngủ gục hoặc phân tán tư tưởng không có sự tập trung và để cho lời khai thị có thể giúp tự thân khai mở trí tuệ ấy trôi qua một cách lãng phí và có thể cả trăm năm sau cũng không thể gặp lại.

“*Hãy vui vẻ nỗ lực trong tu hành!*”, phải luôn cảm thấy hạnh phúc trong công việc, lúc tu hành, khi nghe pháp; đem tâm phục vụ và lòng cảm ơn sâu sắc đối với ân đức chúng sinh, giúp chúng ta tu hành. Trong sách *Hồng danh bửu sám* có nhắc đến danh hiệu

của một vị Phật đó là ‘Nam mô Tinh Tấn Hỷ Phật’, với ý nghĩa nói về sự tinh tiến tu tập trong niềm hoan hỷ.

“Hãy ở thường trực trong thực hành giáo pháp! Ta luôn xót thương cho những ai, rời bỏ cuộc đời này với hai bàn tay trắng”.

Chúng ta phải luôn thường trú trong sự thực hành pháp, không có chốn nào thật sự là chỗ ở lâu dài. Nếu thân này đã không phải là của chúng ta thì làm gì có chỗ nào thật để mà nương náu. Có ai khi chết đi mà không trắng hai tay, sao Ngài lại nói là xót thương? Nghĩa sâu của hai chữ ‘Tay trắng’ ở đây là chỉ cho sự tu hành cả một đời chỉ tạo nghiệp mà không có được một chút phước báu, trí tuệ công đức. Trái lại, nếu biết vun trồng hai mảnh ruộng ‘phước và huệ’ thì khi ra đi sẽ có tư lương trong tay.

Người xưa cũng khuyên nhắc chúng ta qua bài kệ sau:

“Một khi vô thường đến

*Mới biết mình trong mộng
Muôn thứ đem chẳng được
Chỉ có nghiệp theo mình”.*



NGHĨ VỀ SỰ CHẾT !!!

“Chúng ta không biết khi nào cái thân người này, có được với bao nhiêu khó khăn, sẽ chết ngày mai hay ngày kia, thế nên chớ lo toan cho mình như mình sẽ sống mãi mãi! Chúng ta không chắc khi nào thân xác mượn từ bốn đại này sẽ ngã xuống, thế nên chớ quý báu, si mê nó!”

Trong tâm tư mỗi chúng ta ai cũng đều suy nghĩ là sẽ sống mãi, đó là một nhận thức sai lầm. Sự thật, chúng

ta không nắm giữ được tâm thân vay mượn này. Sáng thức dậy phải có ly nước hay điếm tâm, loay hoay đến trưa, chiều cũng đều như vậy, tất cả đều nương nhờ đất, nước, gió lửa và không biết lúc nào thân này nó ngã xuống. Vì thế Đạo sư khuyên chúng ta đừng nên bám chấp nó!

Sự ràng buộc của chúng ta đối với thân này được thể hiện ở trong mọi sinh hoạt hằng ngày. Ví như khi thiếu ăn một chút thì cảm thấy sợ; mất ngủ một ít cũng lo sẽ bệnh, cho đến không đáp ứng những nhu cầu về y phục, tiện nghi lại sinh ra buồn phiền... Chúng ta chiều chuộng nó mấy mươi năm, ăn hoài không cảm thấy no, ngủ hoài chẳng được đủ giấc, mặc bao nhiêu loại y phục cũng chưa thấy hài lòng, nhà ở bao nhiêu vẫn muốn đẹp rộng thêm nữa. Vì thế, hãy đừng quan trọng thân này nhiều quá!

“Sanh ra không dẫn đến cái gì khác hơn là chết; hãy tu hành trong

bản tánh vô sanh như là định mệnh của con! Gặp gỡ không dẫn đến gì khác hơn là chia lìa; hãy cắt đứt sự gắn bó vào những người sống chung! Thu góp không dẫn đến gì khác hơn là cạn kiệt; hãy rộng lượng mà không bám níu! Xây dựng không dẫn đến gì khác hơn là hoại diệt; hãy giữ các chốn ẩn cư trong hang núi!”

Ngài liên hệ cho chúng ta thấy các mối quan hệ nhân quả mang tính tất nhiên: Sinh ra rồi phải chết đi, gặp gỡ để rồi phải chia lìa, thu góp cũng đến lúc cạn kiệt, xây dựng tháng năm sẽ dẫn đến suy tàn, không có con đường nào khác.

“*Sanh ra không dẫn đến cái gì khác hơn là chết*”. Dù cho ở bất cứ địa vị nào, một người khổ rách áo ôm lang thang ăn xin hay với những ai có đời sống sung túc khá giả hoặc giàu có tột đỉnh cũng không thoát khỏi bàn tay tử thần! Thông minh hay ngu ngốc, đẹp hay xấu, người cao sang kẻ thấp hèn...

tất cả đều phải tuân theo quy luật tuần hoàn tạo hóa. Cổ đức có câu:

*“Thông minh, tài trí anh hùng
Si mê, đại đột cũng chung một gò.”*

Cái gò chính là nghĩa trang, là điểm đến sau cùng của tất cả chúng ta. Rốt cuộc chỉ còn là một nắm tro tàn lạnh tanh!

“Hãy tu hành trong bản tánh vô sanh như là định mệnh của con!”. Đạo sư khuyên nhắc chúng ta hãy tu hành trong bản tánh vô sanh, đó là chân sinh mạng của mỗi người. Tâm thấu suốt vô thường sinh diệt, lòng chuyên nhất trong từng danh hiệu Phật, trí tuệ hằng tỏ rạng trong chánh niệm tỉnh giác sẽ đưa ta đến cảnh giới bất tử. Sợ chết thì mãi ở trong sanh tử, trái lại lòng không sợ hãi mà còn quyết chí tu hành thì sẽ đạt đến bất tử.

“Gặp gỡ không dẫn đến gì khác hơn là chia lìa; hãy cắt đứt sự gắn bó vào những người sống chung!”. Các vị tập sự xuất gia đang tập cắt đứt những

tình thân của phàm tục, nhỏ hẹp, trói trăn, đó là tình thiêng liêng cao cả của ông bà, cha mẹ, anh chị em, quyến thuộc...Không phải người tu cắt đứt những tình cảm đó trở thành người vô trách nhiệm, không bỏn phận mà mở ra được tình lớn nghĩa rộng của Đại bi tâm. Quán xét tất cả chúng sanh là người thân của mình, đem tình thương rộng lớn đánh thức những ai còn đang mê mộng.

“Thu góp không dẫn đến gì khác hơn là cạn kiệt; hãy rộng lượng mà không bám níu!”. Người thế gian năm ba đồng bỏ vào ống tiết kiệm, hay cuối tháng được một ít gửi vào ngân hàng. Nếu như tài sản không cạn kiệt thì thân này đến lúc nào đó nó cũng phải già nua, sức khỏe suy hao, tinh thần sa sút, thọ mạng giảm dần.... Cho nên, hãy biết rộng lượng và đừng bám níu; giúp được ai thì hãy ra tay giúp, cho được cái gì thì hãy thí xả ngay. Không buông bây giờ sau này cũng chẳng giữ

được, chi bằng xả bỏ cho được tự tại, dứt trừ ở trong nội tâm những ràng buộc, luyện ái.

“Xây dựng không dẫn đến gì khác hơn là hoại diệt”. Chúng ta từng biết ở Trung Quốc có Tứ đại danh sơn là Phổ đà sơn, Nga mi sơn, Ngũ đài sơn, Cửu hoa sơn, ngoài ra còn có Hang đá Mạc cao¹ (Đôn hoàng) trong đó có rất nhiều chùa lớn, với rất nhiều tượng Phật được điêu khắc ở trên các vách tường dài cả đến bao nhiêu cây

1- Hang đá Mạc cao (莫高窟) là một hệ thống 492 ngôi đền cách trung tâm thành phố Đôn Hoàng, tỉnh Cam Túc, Trung Quốc 25 km về phía Đông Nam. Đây cũng được gọi là **Thiên Phật Động** (千佛洞), hay **hang Đôn hoàng**. Các hang đá này thực sự không phải là *hang* mà là các công trình chạm khắc trong đá, thuộc dạng kiến trúc chạm khắc đá. Hang Mạc Cao là một ngôi nhà đá có quy mô lớn nhất, nội dung phong phú nhất và có giá trị nghệ thuật cao nhất Trung Quốc còn tồn tại cho đến ngày nay. Các tác phẩm nghệ thuật chủ yếu trong ngôi nhà đá này là các tượng điêu khắc và các bức bích họa. Hiện nay nơi này còn có 492 hang động, 45.000m² bích họa và 2415 pho tượng, 5 ngôi nhà gỗ từ đời Đường, Tống. Năm 1987 hang Mạc cao đã được UNESCO công nhận là “Di sản văn hóa thế giới”.

số và có hàng mấy trăm, đến ngàn các hang động. Khi nhìn lại những dấu tích ngày xưa chỉ còn là những bức tượng Phật có khi bị mòn, gãy tay, có tượng thì bể vỡ... Các chùa bên Ấn Độ có nhiều nơi đổ nát hoang tàn, cung điện thành Ca-tỳ-la-vệ tráng lệ ngày xưa mà nay đâu còn nữa!

Thành Cát Tư Hãn bên Mông cổ một thời từng mệnh danh là “vó ngựa Nguyên mông” dẫm đạp gần hết cả khắp thế giới, bao nhiêu thành trì ông xây dựng nên với lãnh thổ kéo dài từ Châu Á sang Châu Âu giờ đây cũng sụp đổ hoang tàn, con người cùng cỏ cây tan vè với cát bụi; hoặc như Alexandros Đại đế được xem là một trong những chiến lược gia quân sự vĩ đại nhất trong lịch sử đã chinh phạt gần như toàn bộ thế giới, giờ đây cũng chỉ còn lưu danh trong sử sách người phương Tây.

Ngài nói: “*Hãy giữ các chốn ẩn cư trong hang núi, động đá!*”, vì chính

nơi này ta xây dựng nên tự viện thiêng liêng vô tướng, ngôi chùa tâm linh bất diệt, chính là trí tuệ giác ngộ.

Một điều nữa là khi đức Phật thành tựu Vô thượng Chánh giác, từ đó về sau mới có tự viện tinh xá; các vị cao tăng Tổ sư đắc đạo thì các đạo tràng mới được xây dựng lên, thậm chí lên đến hàng trăm ngàn các ngôi chùa. Vì vậy, càng đơn giản càng gần với giải thoát, sẽ không bị lệ thuộc vào vật chất. A-lan-nhã tức nơi chỗ núi rừng hoang sơ, thanh vắng chính là trụ xứ của mười phương ba đời chư Phật!

“Ham muốn và tham vọng không dẫn đến gì khác hơn là đau khổ; hãy buông bỏ lòng khát vọng của con ! Kinh nghiệm mê làm không dẫn đến gì khác hơn là vô minh; hãy hủy hoại tri giác nhị nguyên! Làm như thế con sẽ luôn luôn hạnh phúc, nhưng chỉ với những ai biết nghe lời khuyên nhủ!”

Càng tham muốn, dục vọng nhiều thì càng đau khổ. Tham muốn theo

chiêu ngũ dục, danh vọng, tiền của, sắc đẹp... đó là đi theo hướng của khổ đau! Chúng ta tham muốn suốt mấy chục năm qua nhưng đã bao giờ thỏa mãn? Quá khứ đã không thỏa mãn; hiện tại cũng chưa được thỏa mãn thì tương lai cũng sẽ như thế và nó còn kéo dài mãi suốt trong vô lượng vô biên kiếp sinh tử; sẽ chẳng bao giờ có sự thỏa mãn đối với tâm tham dục không bờ của mình. Chỉ biết đủ ngay lúc đó thì liền được an, gọi là ‘*tri túc thường lạc*’.

Karishnamurti đã từng nói: “*Vãn minh con người tiến bộ rất xa, từ chỗ con trâu cày, chiếc xe bò nay lên tới xe máy, ô tô, thậm chí là máy bay, trực thăng, hỏa tiễn và hơn nữa là phi thuyền. Nhưng tâm linh đạo đức con người không phát triển, càng lúc đi xuống đầy dẫy tham dục, sân hận, tranh đấu, u mê...*”.

Con người chúng ta kilo thịt tăng theo thời gian từ lúc còn tấm bé cho

đến khi trưởng thành, tuổi tác cũng như thế nhưng trí tuệ của mình lại không thêm lớn và lòng tham chấp thì ngày một đóng chặt.

Trái lại, để đạt đến hạnh phúc, vượt lên trên vòng xoáy của não phiền là niềm vui thích trong công phu hành trì, tu học chánh pháp, mong mỏi hoằng pháp lợi sanh, chí nguyện mở rộng Đại bi tâm và Bồ-đề tâm... thì cần nuôi lớn những ước muốn cao đẹp đó, vì nó sẽ giúp đưa chúng ta mau đạt đến chỗ hạnh phúc an lạc cho mình, người và rộng ra cho pháp giới chúng sanh.

“Kinh nghiệm mê lầm không dẫn đến gì khác hơn là vô minh; hãy hủy hoại tri giác nhị nguyên!”. Tất cả những gì đã từng trải qua từ nơi sự hiểu biết, mà chúng ta gọi đó là kinh nghiệm, thì Đạo sư nói đó đều là gốc của mê lầm vì nó chuyên chở bằng ‘tri giác nhị nguyên’.

‘Nhị nguyên’ là đôi đũa được dệt

lên trong tư tưởng ta những cặp phạm trù đối nghịch: đượ-mất, hay-dở, tốt-xấu, cao-thấp... Cho nên, trong sách *Tín tâm minh* có câu:

“*Chỉ đạo vô nan,
Duy hiềm giản trạch.
Đã mặc tắng ái,
Đổng nhiên minh bạch.
Hào ly hữu sai,
Thiên địa huyền cách*”.

‘*Chỉ đạo vô nan duy hiềm giản trạch*, nghĩa là chỗ tốt cùng của đạo không khó, chỉ kỵ sự phân biệt. ‘*Đã mặc tắng ái, đổng nhiên minh bạch*’, tức là không có yêu ghét tự nhiên nó minh bạch.

‘*Hào ly hữu sai, thiên địa huyền cách*’, chỉ cần sai một mảy tơ thì cách xa giống như trời với đất. Chẳng hạn như mình thấy lỗi lầm của một người, với tâm chấp chặt từ đó sẽ đặt lên nghi vấn: ‘tại sao...lại như vậy?’, sau đó là một chuỗi liên tưởng về các điều sai khác của người đó, tâm lúc này ở

trong trạng thái động loạn. Từ ý nghĩ chưa được chuyển hóa, nuôi dưỡng tâm sân hận sau đó sẽ phát ra lời nói, thậm chí thể hiện ra bằng hành động. Nếu người khéo tu, sẽ chuyển hóa bằng tác ý tư duy: ‘Đó là chuyện của người, ta nên soi lại chính bản thân có như vậy hay không? Nếu thấy bản thân cũng có phạm lỗi thì nên sửa cho mình, nhiếp tâm trở về công phu’. Sự sai khác ở trong một đường tơ, thiện ác phân rành, thiên đường và địa ngục tách biệt. Đối với những người có trách nhiệm, góp ý xây dựng vì tình thương mà khuyên bảo giúp đỡ người ấy, lại là một lẽ khác nữa. Nó không xuất phát từ tâm chỉ trích sân hận mà chính từ tâm đại bi để nhiếp hóa.

“Làm như thế con sẽ luôn luôn hạnh phúc, nhưng chỉ với những ai biết nghe lời khuyên nhủ!”. Nếu chúng ta biết kính nghe những lời Ngài chỉ bảo sẽ có được hạnh phúc.

Cố Sư bà trụ trì chùa Quảng

Phước vùng Sa Đéc, Đồng Tháp, là một vị chân tu, đạo hạnh cao thâm có nói một câu: “*Người mắng chửi Phật chưa sai mà người không nghe lời Phật thì hết cứu*”. Vì người phỉ báng Phật do họ chưa có niềm tin nơi Ngài, nhưng một khi hiểu được chánh pháp, có thể xoay chuyển tâm tánh, hướng đến sự tu hành. Người đã không muốn nghe, dù có nói đến đâu đi nữa cũng là vô ích!

Không nói nữa tức là bị bỏ rơi, tuột lại đằng sau. Thế nên, trong luật của Tăng chúng gọi đó là ‘mặc tẩn’, đuổi đi bằng cách im lặng, bằng cách không nói đến tên người ấy, tự bản thân họ cảm thấy xấu hổ lặng lẽ rời chúng. Do vậy, chỉ những ai biết nghe lời khuyên nhủ thì mới học được chánh pháp!

“Ta đã nói điều ấy cho mọi người, nhưng không ai nghe. Khi nào thần Chết nắm bắt con, lúc ấy không còn cơ may để giải thoát. Người nào

không thực hành Pháp, sẽ hối tiếc điều này khi cái chết đến”.

Lời nhắn nhủ đầy xót thương với những ai đã không chịu lắng nghe Ngài nói! Lúc ấy, thần chết đến bên cạnh thì chúng ta chẳng còn có cơ may để giải thoát; không thực hành pháp thì chỉ còn sự tiếc nuối và hối hận.

“Năm, tháng và ngày trôi qua không chần chờ ngay cả một giây. Cuộc đời này qua đi không dừng nghỉ đâu cho một giờ hay một phút, và rồi chúng ta chết. Các mùa tiếp tục, nhưng cuộc đời chúng ta chấm dứt và không chờ đợi.

Con có tuyệt vọng không, khi nhìn cái chết đến gần với năm, tháng, ngày lần lượt ra đi? Làm sao con có thể cảm thấy hài lòng khi người nào cũng chết, không hy vọng và bất ngờ? Làm sao con có thể cảm thấy hài lòng với con cháu và sự sung túc khi chúng chẳng dùng được gì vào lúc chết? Làm sao con có thể cảm thấy tự tin, khi đi

theo con không có gì ngoài nghiệp tốt và xấu?”

Thời gian trôi qua rất mau, thoáng chốc đã mấy mươi năm. Mới ngày nào đó còn trẻ trung, mà giờ đây đã bạc đầu. Làm sao mỗi ngày, mỗi giờ trôi qua, chúng ta phải thấy được sự tiến bộ trong tâm linh, tháo gỡ được các nội kết, soi sáng những mê vọng, làm thăng hoa tâm thức và có được an lạc tự tại.

Vào ngày sinh nhật, người đời chúc tụng vui mừng, còn đối với ngày tử thì khóc than sâu thẳm mà họ không hề biết rằng chính ngày sinh cũng là ngày báo tử!

“Các mùa tiếp tục, nhưng cuộc đời chúng ta chấm dứt và không chờ đợi”. Xuân, hạ, thu, đông khi hết một chu kỳ của bốn mùa thì tiếp tục trở về với mùa xuân, lẽ thật giản dị này mọi người đều biết rõ. Thế thì, con người trải qua bốn giai đoạn sinh, lão, bệnh, tử, vậy khi kết thúc mạng sống, chúng

ta có biết sẽ đi về đâu hay không? Mờ mịt trong đêm tối! Đây là chuyện đáng lo của đời người!

Giống như, chúng ta đang ở trên chiếc thuyền, có thể trong vài phút ngắn ngủi một cơn sóng thần sẽ ập tới, nhưng không một ai hay biết. Ở trên thuyền, mọi người cứ vui chơi, đàn hát và có lúc lại tranh cãi vì một chút quyền lợi nhỏ, hơn thua nhau trong từng câu nói, mà không biết được rằng hiểm họa đang ở cận kề.

“Con có tuyệt vọng không, khi nhìn cái chết đến gần với năm, tháng, ngày lần lượt ra đi?”.

Khi đức Phật còn tại thế, một hôm trên đường đi khất thực, nhìn thấy đàn bò chen chút hút đẫy lẫn nhau, nên Ngài nói bài kệ cho Tôn giả A-nan nghe:

*“Ví như người cầm gậy,
Chấn dất đàn bò si
Già chết cũng như vậy
Đang lừa mạng sống đi.”*

Sau khi đức Phật trở về tịnh thất thọ trai xong, Tôn giả mới bạch hỏi đức Phật:

- Vì lý do gì, Thế Tôn thấy đàn bò lại nói lên bài kệ như vậy?

Bấy giờ, đức Phật nói rằng:

- Đàn bò đó trên một trăm con, mỗi ngày người ta dẫn chúng ra ngoài ngoài ô ăn cỏ, uống nước. Mỗi lần đi như vậy, họ lại lừa khoảng hai ba mươi con vào trong lò sát sanh. Vậy mà các con bò khác không hề hay biết về cái chết của đồng loại, lại đi giành cỏ, nước và chen lấn với nhau. Không bao lâu nữa, các con bò kia cũng phải chịu chung số phận bi thảm như thế!

Già và chết được đức Phật ví như người cầm gậy đưa chúng ta tiến gần đến chỗ cửa Tử thần trong lò thiêu hoặc nơi gò hoang đất trống.

“Làm sao con có thể cảm thấy hài lòng với con cháu và sự sung túc khi chúng chẳng dùng được gì vào lúc chết?”. Những người không con thấy

gia đình khác có con thì cho rằng họ rất hạnh phúc và mong ước có con, nhưng không được như ý muốn, nên khổ. Ngược lại những cặp vợ chồng có đông con thì lại nghĩ, phải chi đừng có con và than khổ vì kinh tế khó khăn. Và gặp người có ít con, vẫn rơi vào cảnh khổ khi chúng không thuận thảo, chẳng lo làm ăn, tiền của phá tán. Như vậy, trong tư tưởng mỗi người luôn có suy nghĩ chỉ có riêng họ là khổ khi có sự đối chiếu hoàn cảnh giữa bản thân và mọi người.

Ví như là sự so sánh giữa một người xấu xí và diễn viên điện ảnh, những ai có gương mặt không đẹp thì rất ngưỡng mộ hình tượng minh tinh. Có ngờ đâu, đằng sau sự hào nhoáng bởi tiếng vỗ tay tung hô của công chúng là sự lo lắng mất tự do các anh chị nghệ sĩ vì luôn bị tầm mắt thiên hạ để ý đến. Bởi vậy, trong Bát-nhã tâm kinh nói: *“Tất cả chúng sinh đều sống trong sự điên đảo mộng tưởng”*.

Lừa dối thì có lời thề hẹn ước, nguyện sống chết có nhau, kỳ thật khi đến lúc lâm chung, mấy ai thực hiện được như vậy? Thậm chí, cả đến thâm tình huyết thống như cha với con, anh em ruột thịt có thể cùng đi với nhau lúc mãn đời? Những lời nói thế gian chỉ là những ngôn từ giả danh, không có thực nghĩa và không đâu xa lạ ngay nơi bản thân của ta cũng đang tự dối gạt bởi chính tư tưởng của mình. Do vậy, chỉ có những bậc chứng ngộ mới chân thật cả trong tâm niệm và lời nói.

“Làm sao con có thể cảm thấy tự tin, khi đi theo con không có gì ngoài nghiệp tốt và xấu?”. Phải ý thức được cái duy nhất chúng ta có thể mang theo lúc chết chính là nghiệp. Do vậy, phải biết chọn nghiệp thiện mà hành trì, bởi vì khi qua đời khác chúng ta có được nhân duyên tốt để tiếp tục tu hành.

“Những người nào không cắt đứt sự trói buộc của họ vào hình tướng cụ thể và cái thấy trường tồn là những kẻ

điên rồ!”. Những người chấp vào hình tướng cho đó là còn mãi, bền chắc, thì bậc Đạo sư nói rằng những người ấy là những kẻ có cái thấy sai lầm và tiếp nói khổ đau!



HÃY ĐỂ THỜI GIAN THỰC HÀNH PHÁP

“Ngay lúc này chúng ta có quyền chọn lựa điều gì chúng ta muốn làm, tuy nhiên người ta nói rằng không thể áp dụng Phật pháp. Có được thân người với tự do và sung túc, họ nói rằng không có thì giờ cho sự thực hành tâm linh. Hoàn toàn có thể thường xuyên làm nô lệ cho thực phẩm và áo quần, họ nói rằng không thể thực hành pháp thiêng liêng đâu chỉ một năm. Không một mồi trong bận rộn sinh tử, họ nói

không thể chịu đựng dầu chỉ một khó nhọc nhỏ nhất trong việc liên quan đến Pháp. Trong khi có thể chịu đựng khổ đau không ngừng nghỉ, họ nói không thể để dành ngay chỉ một mùa hè hay mùa đông cho hạnh phúc của thực hành tâm linh.

Người không chú ý đến pháp hình như không muốn hạnh phúc!”

Ngài nhắc nhở chúng ta, ngay trong giờ phút này mình có quyền lựa chọn những điều muốn làm. Không hiểu vì sao, chúng ta có được sự tự do, đầy đủ sáu căn, hoàn cảnh sung túc lại nói rằng không thể tu tập. Nếu đợi đến khi rơi xuống những cõi thấp, lúc già bệnh, gặp nguy cấp kề cận với cái chết làm sao thực hành Phật pháp?

“Hoàn toàn có thể thường xuyên làm nô lệ cho thực phẩm và áo quần, họ nói rằng không thể thực hành pháp thiêng liêng dầu chỉ một năm”. Chúng ta chịu làm nô lệ cho thức ăn, quần áo, nhà cửa, vật dục tiện nghi, cho đến

tiến sâu vào trong tâm niệm là đối với tình cảm, lòng hơn thua, nhân ngã.

Chúng ta có rất nhiều giờ để làm mọi việc. Như khi nấu một buổi ăn hay đãi tiệc, chuẩn bị rất kỹ càng, cảm thấy vui thích ở trong đó. Đối với những ai có nhu yếu mua sắm có thể đi cả ngày vẫn không thấy mệt, hoặc gặp bạn bè ngồi lâu tâm sự với nhau cũng chẳng quản chi. Như vậy, thời gian để dành cho hoạt động sinh tử phiền não rất nhiều, có khi đi đến chỗ tranh cãi làm khổ cho nhau, gây ra sầu bi ưu não nhưng lại không có phút giây để cùng nhau tiến tu giải thoát, đây là chỗ đau đớn nhất của chúng ta!

Những lúc chạy theo thế gian thì rất thuận với tập nghiệp của mình. Đến khi có chương trình tu học, nghe pháp thì thường xảy ra nhiều việc, không chuyện này thì cũng việc khác làm ngăn chướng. Chúng ta thật chưa có tâm quyết liệt, nhiệt thành, hùng tâm tráng trí để tranh thủ đoạt lấy hạnh phúc

tâm linh vĩnh cửu cho chính mình, nên khi gặp một ít khó khăn dễ thoái lui. Nếu như người tu trong những đạo tràng, tự viện cho đến trong cảnh núi rừng xa vắng lại không có thời gian để lo cho thật nhiều sự tu và học pháp vậy ai sẽ có thời gian? Không khéo ở trong cảnh A-lan-nhã lại không có sự cầu tiến mạnh mẽ trong việc áp dụng pháp, hành trì những công phu đức Phật, chư Tổ dạy. Do đó, chúng ta phải ý thức cho sâu sắc để mà thực hiện!

“Không mệt mỏi trong bận rộn sinh tử, họ nói không thể chịu đựng đâu chỉ một khó nhọc nhỏ nhất trong việc liên quan đến Pháp”. Đối với sự lao nhọc trong kiếp sinh tử chạy theo vật dục, tiện nghi, thú vui đời thường không biết mệt mỏi nhưng khi nói điều gì liên hệ đến pháp dù cho khó nhọc nhỏ nhất cũng không chịu được. Đoạn trước nói về thực hành pháp đi sâu vào trong công phu tu, ở đây hạ xuống một cấp độ chỉ có liên hệ đến

pháp bên ngoài. Chẳng hạn, mình làm công quả dựng lên những am tranh cho quý thầy nhập thất, xây lên tịnh xá, các ngôi chùa cho mọi người cùng tu, viết lên những quyển sách hoặc đánh vi tính ghi chép lại những lời pháp ngữ từ nơi chư tôn đức, thầy của mình; quay phim, sao chép băng đĩa... hỗ trợ nhau trong việc đem chánh pháp đến cho mọi người, đều là những việc liên hệ đến pháp, vậy mà ta cũng chưa có thời gian hoặc từ chối với lý do ‘không nằm trong khả năng của bản thân’. Tâm thức hướng theo chiều mê làm thì mạnh, còn đối với chí hướng giác ngộ giải thoát rất yếu.

“Trong khi có thể chịu đựng khổ đau không ngừng nghỉ, họ nói không thể để dành ngay chỉ một mùa hè hay mùa đông cho hạnh phúc của thực hành tâm linh”. Khổ đau của cuộc đời mấy mươi năm chúng ta có thể chịu đựng được, nhưng để dành ra một tháng hoặc ba tháng tu học thì cảm thấy

gặp khó khăn. Cho dù có sắp xếp tham dự khóa tu nhưng rồi cũng phan duyên theo thế sự mà trở về trước ngày đã quy định và nếu như đi du lịch có lẽ sẽ không có vấn đề gì để suy tính. Chúng ta thấy những sân vận động làm ra để đáp ứng nhu cầu giải trí cho hàng chục ngàn người nhưng chỗ nghe pháp thì rất hạn chế.

“Người không chú ý đến pháp hình như không muốn hạnh phúc!”. Con người khi muốn tìm hạnh phúc thường chạy theo những thú vui thế gian. Nhưng ở đây Ngài lại nhấn mạnh hạnh phúc không thể có mặt nếu như bản thân ta không hướng đến pháp. Qua đó, có thể kết luận điều Đạo sư muốn nói: *“Chính chánh pháp là căn nguyên của an lạc vĩnh hằng”*.

“Điều quan trọng nhất là nỗ lực tu hành khi con còn trẻ. Khi con đã già con có thể muốn nghe giáo pháp nhưng lỗi tại con lại không muốn nghe. Con có thể muốn học hỏi nhưng sự

chú tâm của con thì nặng đực và trí nhớ con thất thoát. Con có thể muốn đến với Pháp, nhưng thân con không thể đi hay ngồi. Con có thể muốn thực hành, nhưng sức mạnh các đại đã tàn và con không thể tập trung. Con có thể muốn cho đi tài sản vật chất của con nhưng chúng đã bị người khác kiểm soát và con không còn đảm đương chúng. Con có thể muốn chịu khó nhọc nhưng hệ thống của con không chịu nổi sức ép. Làm cho thầy con và các bạn Pháp không vui, khi tuổi già đến, con có thể muốn thực hành nhưng không thể. Con sẽ ước ao ‘Phải gì tôi đã có ý chí và nguyện vọng thực hành pháp khi tôi còn trẻ’, nhưng điều đó sẽ không giúp gì nữa cả. Đã quá trễ để hối tiếc là không thực hành pháp gì khi con còn có thể.

Người không cảm thấy có quan tâm nào đến sự thực hành Pháp khi trẻ thì không hơn gì kẻ ngu đần!”

“Điều quan trọng nhất là nỗ

lực tu hành khi con còn trẻ. Khi con đã già, con có thể muốn nghe giáo pháp nhưng lỗ tai con lại không muốn nghe". Những vị xuất gia trẻ tuổi đầy đủ sinh lực, nghị lực, tâm lực, trí lực, sức lực, hùng lực, dũng lực sẽ bị tiêu pha nếu không được tập trung trong sự tu học.

Lịch sử cho chúng ta thấy đức Thế Tôn xuất gia từ lúc còn rất trẻ, chỉ hai mươi tuổi hơn, tất cả những gì có trong con người Ngài rất mạnh mẽ và hùng tráng từ thân thể cho đến tinh thần. Ngài đem hết hùng lực của mình để thực hành con đường giáo pháp thiêng liêng, các vị Tổ sư từ xưa cũng đều như vậy cả. Đợi đến lúc già chỉ có thể tu một cách cố gắng trong giới hạn nào đó của tự lực bản thân vì *'sức mạnh các đại đã tàn và không thể tập trung'*. Tâm muốn nghe pháp nhưng lỗ tai đành bất lực, không còn sự nhạy bén; nghe lầm lạc, bảo điều này lại nghe thành việc khác.

“Con có thể muốn học hỏi nhưng sự chú tâm của con thì nặng đực và trí nhớ con thất thoát”. Khi lớn tuổi, sức tập trung không còn mạnh như lúc trẻ, do vì trong cơ thể nhớt mỗi, tinh thần không còn minh mẫn. Sự chú tâm không nhiều có khi là hiểu rất ít, hoặc không hiểu thậm chí chẳng thể nghe, trí nhớ thì bị lãng quên.

Trong *Khóa hư lục*, vua Trần Thái Tông viết lên vài dòng miêu tả một cách chân thật sắc thân con người lúc tuổi xế chiều: “*Ăn uống hay sặc thường nghẹn, tóc xanh má ửng nay thành tóc bạc da môi, ngựa trúc áo hoa trở thành gậy cưu xe cỏi, tiêu tụy như cây liễu lúc thu về, điêu linh như đóa hoa khi xuân hết, bóng chiều sắp ngả non tây, dòng nước trôi về đông*”. Tất cả những gì tươi đẹp nhất đã biến đổi, dần dần đi đến chỗ hoại diệt. Có khi như vậy rồi vẫn còn chưa tỉnh mạnh, không thấy được tin tức báo trên đầu ‘Diêm Vương báo tin trên làn

tóc bạc' đó là tin thứ nhất, tin thứ hai là 'răng rụng', tin thứ ba là 'mắt mờ', tin thứ tư 'tai điếc', tin thứ năm là đi 'liêu xiêu', tin thứ sáu là 'thở hơi lên'.

Có câu chuyện kể về ông già nọ khi chết xuống gặp Diêm vương, chuẩn bị phán xử tội phước ông ta. Ông nói lý với Diêm vương:

- Luật pháp thế gian khi muốn bắt ai còn thông báo trước và nói lên lý do để bắt phạt. Tại sao, các Ngài bắt tôi xuống đây mà lại không báo tin gì hết vậy? Phải cho tôi hay trước, ông làm đột ngột quá không thể chuẩn bị kịp.

Ông Diêm vương nói:

- Ta đã báo tin nhiều lắm, ông không để ý quán sát: tóc bạc là một tin, kế nữa là răng rụng, lưng còng, gỏi mồi, tai điếc, sức khỏe suy hao... là những tin đã báo cho ông.

Có ông trẻ biện minh bằng lý lẽ:

- Sao ông chỉ báo tin cho ông già, còn tôi trẻ lúc sắp ra đi thì chẳng nói gì?

Diêm vương giải thích:

- Chú có thấy những người trẻ bị tai nạn, bệnh hoạn nhập viện chết không?

Ông trẻ đáp: Dạ! Có thấy.

Diêm vương nói:

- Như thế là chẳng phải báo tin là gì!

Chúng ta thấy trong thời đại hiện giờ trẻ chết lắm khi còn nhiều hơn người già đều do dục vọng, tâm sân hận, tranh đấu... làm cho con người đoản thọ, hủy hoại thân người quý báu thiêng liêng do không biết tu hành! Đời người được nói đến qua bốn chữ sinh, lão, bệnh, tử, có khi chỉ còn có ba chữ ‘sinh, bệnh, tử’ không qua giai đoạn tuổi già; lắm lúc không cần bệnh, thể hiện là ‘sinh tử’ đi chung, thậm chí chưa ‘sinh’ đã ‘tử’ do phá thai. Đó là những hiện tượng ở thế gian muốn cảnh tỉnh chúng ta!

“*Con có thể muốn đến với Pháp, nhưng thân con không thể đi hay ngồi*”. Có những cụ già lớn tuổi rất tha

thiết muốn gặp quý thầy, viếng thăm chùa nhưng đi đứng khó khăn. Bây giờ phương tiện bằng đĩa kinh sách rất tiện lợi, có thể ngồi một nơi mà học pháp, nếu bỏ qua cơ hội này thì thật đáng tiếc! Người trẻ phải đặt mình vào vị trí của người già mới cảm thông được. Bởi lẽ, nhân quả rất rõ ràng khi ta biết kính thương người già thì sau này lớn tuổi sẽ được mấy đứa trẻ thương. Đại đa số người trẻ không thích gần người già vì cảm thấy không thú vị, do vì các cụ thích kể chuyện ngày xưa, làm việc rất thận trọng hay nhắc nhở từng chút. Ở phương Tây, mỗi người đều bận rộn trong công việc, nên không chu toàn trong việc chăm sóc các cụ già, chính vì thế mới mở viện dưỡng lão.

“Con có thể muốn cho đi tài sản vật chất của con nhưng chúng đã bị người khác kiểm soát và con không còn đảm đương chúng. Làm cho thầy con và các bạn Pháp không vui, khi tuổi già đến, con có thể muốn thực

hành nhưng không thể”. Muốn bỏ thí cúng dường nhưng đều giao lại hết cho con cháu. Sở dĩ không làm hài lòng thầy và các bạn pháp vì không theo kịp những người trẻ, nhưng cũng có trường hợp ngoại lệ. Trong thời đức Phật có ông già tuổi đã cao lên đến hàng tám chục tuổi nhưng lại muốn đi xuất gia. Máy thầy không ai cho, vì ông đã lớn tuổi không thể ngồi lâu tọa thiền, nghe pháp, làm công quả.... Từ chối nhiều lần, ông đã thệ nguyện đại chúng: “*Nếu như tôi xuất gia mà không diệt hết tham sân si, không dứt sạch hết phiền não, không chứng được lục thông, tôi thề là lưng không dính chiếu*”. Quả nhiên trong ba năm, ông đạt được sáu phép thần thông của A-la-hán, quả vị cao nhất trong bốn bậc Thánh, đó là Hiệp Tôn giả². Ở đây

2- Hiệp Tôn Giả (Dịch âm: Ba lật thấp pha, Ba xa. Dịch ý: Nan sinh (khó sinh). Luận sư Thuyết nhất thiết hữu bộ và là Tổ truyền pháp thứ 10 của Thiền tông Ấn độ, vì Ngài

chỉ cho sự quyết tâm mới có thể làm được.

Sự ước ao ‘Phải chi tôi đã có ý chí và nguyện vọng thực hành pháp khi tôi còn trẻ’ sẽ trôi lên trong tâm,

ting tiến tu hành, không hề năm nghĩ (vị tăng hiếp ngoại) nên người đương thời gọi ngài là Hiếp tôn giả. Ban đầu, Tôn giả là một vị Phạm chí. Năm 80 tuổi ngài mới xuất gia, và khi nghe những lời dèm pha các Tỳ khưu trẻ chê cười là già cả suy yếu, không tiến tu được liền tự phát nguyện: “Nếu không thông suốt lí Tam tạng, dứt trừ tham dục để được 6 thân thông và 8 giải thoát, thì trọn đời quyết không đặt lưng xuống chiếu (hiếp bất chí tịch)”. Trải qua 3 năm, Tôn giả đã dứt hết tham dục trong 3 cõi, chứng được Tam minh. Sau Tôn giả theo ngài Phật đà mật đa học thêm về ý chỉ sâu xa của Phật pháp và đã chứng được quả A la hán. Về sau, Ngài liền đến thành Hoa thị biện luận và chiết phục một giáo chủ ngoại đạo là Mã minh. Sau đó, Tôn giả trở về Bắc Ấn độ đến nước Ca thấp di la, Hiếp tôn giả vâng mệnh vua Ca nhị sắc ca tham gia với 500 vị Thánh hiền biên soạn luận Đại tì bà sa. Sau, ngài truyền pháp cho đệ tử là Phú na dạ xa rồi thị tịch.

lời hối tiếc muộn màng ‘lúc trước còn trẻ sao mình không chịu tu, không nỗ lực thực hành pháp, không tìm thầy cầu học hay chẳng chịu nghe lời thầy...’. Điều này cũng ví như người gần chết khát mới lo đào giếng thì không thể kịp!

“Khi thực hành Pháp giải thoát, cưới vợ cưới chồng và dúi dặt một đời sống gia đình thì cũng giống như bị kềm giữ trong xiềng xích chặt chẽ không có tự do. Con có thể muốn chạy thoát, nhưng con đã bị nhốt trong ngục tối của sanh tử không lối thoát. Con có thể hối tiếc về sau, nhưng con đã chìm trong vũng lầy của tình cảm, không chũ ra. Nếu con có con cái, chúng có thể dễ thương nhưng chúng là cây cọc cột con trong sanh tử. Nếu không có con, sự lo lắng rằng gia đình con sẽ chết đi thì còn lớn hơn nữa. Nếu con có tài sản, giữa lâu dài và ruộng vườn, chẳng có rồi rảnh nào để thực hành Pháp.

Nếu con không có, sự cực khổ và

tranh đấu khi không có miếng ăn còn lớn lao hơn. Nếu con có người hầu hạ và người làm, rốt cuộc con bị bận rộn vì làm một người nô lệ cho sự quản lý. Nếu không có, sự thiếu quyền hành làm cho con bị người khác kiểm soát, không có tự do để thực hành Pháp. Theo cách đó cả cuộc đời hiện tại và tương lai của con bị phá hủy. Trong bất cứ trường hợp nào, người kết hôn và trở thành chủ gia đình chìm đắm trong đầm lầy của sự khốn khổ không có dịp may để giải thoát”.

Đoạn này nói lên sự ràng buộc gia đình, hệ lụy vợ chồng trong đời sống thế tục. Khi một người quyết tâm thực hành pháp nếu mà cưới vợ gả chồng và dúi dặt với nhau, như vậy đời sống gia đình giống như tù ngục không có tự do và do tình nguyện chứ không phải là sự ép buộc. Vì lẽ đó như lời Đạo sư nói: “*Người kết hôn và trở thành chủ gia đình chìm đắm trong đầm lầy của sự khốn khổ*”.

Có một Phật tử ở xa tâm sự rằng ngày xưa muốn đi xuất gia, nhưng bị gia đình ngăn cản, cho nên bị ‘ở tù’ ba mươi lăm năm. Cái thấy của cô đó giống như lời Phật dạy trong kinh *Tứ thập nhị chương* như sau: “*Tình ái giống như nhà giam vô hình, là một sợi dây không thể thấy được nó buộc mình không thời gian hạn định thậm chí có thể ở nhiều kiếp sau trong sinh tử. Một niệm cũng không muốn xa lìa khi đã ràng buộc, cho dù biết đó rất đau khổ nhưng tháo gỡ không được*”. Chính vì thế người xuất gia phải sống độc thân, bởi lẽ người tu thì thực hành phạm hạnh giải thoát, có được sự tự do tự tại, không hệ lụy, giới luật Phật chế định cũng nhằm mục đích đó. Ở đây, Đạo sư còn dùng hình ảnh ví dụ về vũng lầy, nếu khi lọt xuống rồi thì sẽ càng ngày càng lún và không có lối thoát ra. Trong kinh *Di giáo*, đức Phật lấy hình ảnh con voi sa lầy với thể trọng của nó thì không thể nào để

dàng thoát khỏi chỗ đó. Chính vì vậy những người không có gia đình, mà biết tu tập tuy chưa được chứng đắc gì nhưng nếu cố gắng giữ gìn giới pháp thì sự giải thoát cũng có được tương đối. Chính vì lẽ này nên Hòa thượng Thích Thiện Bình, Viện chủ chùa Bửu Liên có bài thơ rất ý nghĩa:

*“Trưa nằm nghe trẻ khóc tu oa
Trong bụng mừng thầm đã xuất gia
Cắt được sợi dây thê tử buộc
Coi như bớt khổ một phần ba”.*

Bây giờ nói đến những người con, trong lòng của bậc cha mẹ luôn nghĩ con mình rất dễ thương, ngoan hiền, đặt ở vị trí hàng đầu. Nhưng đối với những người thực hành pháp thì những đứa con đáng yêu đó lại là cây cọc cọt trong sinh tử, vì thương quá không thể rời xa, do vậy làm sao mà viễn ly, từ đó không thể tu tập giải thoát. Đối với những cụ già lo cho con xong rồi lo cho đến cháu, nếu không ở gần thì nhớ, thậm chí nếu già lớn tuổi

có chặt cũng còn thương nữa. Chiếc thuyền muốn vượt qua bờ bên kia nhưng sợi dây ái buộc trong cây cọc nên không thể tiến tới: *‘Ái không nặng không sinh Ta bà, niệm chẳng chuyên không sinh tịnh độ’*. Muốn được giải thoát, sinh về cõi Phật nhưng ái không chịu nhỏ ra, lại muốn có thêm vài cây cọc dụ như được nhiều cháu để vui nhà vui cửa. Đối với trường hợp, những người không con lại là sự lo lắng, sau này không có người nối dõi, thờ cúng tổ tiên. Vào thời phong kiến, các vị vua vì muốn có Thái tử mà có tâm tráo đổi, giết hại lẫn nhau. Như vậy, khi được như ý muốn thì bị tham ái ràng buộc, còn như không được thỏa mãn thì bị sầu khổ nhấn chìm.

Nếu có tài sản, ruộng vườn thì bị trói cột, không có rồi rảnh để thực hành pháp vì mắc lo chăm sóc, đây cũng chính là điếm khác biệt giữa người đời và người trong đạo. Ví như con tâm nhả kén, rồi sau tự nó buộc lại

bao bọc lấy nó, cũng vậy con người rất cực khổ làm ra vật chất, nhưng khi của cải được tạo thành, có được nó rồi lại bị nó làm cho khổ nữa. Có những người ăn mặc rất khổ sở nhưng lại giàu có, chất chiu từng đồng dành dụm không biết để làm gì, chỉ có được tiếng tăm mà thôi. Cuối cùng khi ra đi chỉ với hai bàn tay trắng, không mang được gì. Nếu không hiểu pháp thì phải cực khổ tranh đấu, vì miếng ăn khổ còn lớn lao hơn. Trái lại, người biết tu ở trong hoàn cảnh nào cũng an vui.

“Nếu con có người hầu hạ và người làm, rốt cuộc con bị bận rộn vì làm một người nô lệ cho sự quản lý”. Tôi ngày mình chỉ lo quản lý tài sản, đồ đạc... kể lại lo quản lý người phục dịch cho mình, tâm canh chừng lo lắng không biết người mình tuyển dụng có trung thành hay không. Nếu không có quyền hành bị người khác kiểm soát sẽ sinh ra sự tủi thân khổ vì không có địa vị, theo cách đó ‘*cả cuộc đời hiện*

tại và tương lai của con bị phá hủy'!

“Các niềm vui của thế gian này cực kỳ thoáng qua, nhưng nếu con có thể thực hành giáo pháp thiêng liêng, hạnh phúc của con sẽ kéo dài lâu xa. Sự thịnh vượng của thế giới này là vô thường và trôi mắt, nhưng nếu con có thể thường trực gom góp các tích tập, con thực sự là giàu có. Người nào dẫn mình vào những hành động xấu là điên rồ, nhưng người nào làm điều tốt thì nhay cảm và khôn ngoan. Người nào cam kết mình vào các giáo lý có ý nghĩa là đáng kính, nhưng người nào theo đuổi lợi danh vô nghĩa là không thận trọng và không có đạo đức. Danh lợi vật chất thế gian là chủ nhân của sự khốn khổ; cao quý là người đạt đến Phật tánh trong chỉ một đời.

Những ai bám vào thế gian này không bao giờ tìm thấy dịp may thoát khỏi sanh tử!”

Nếu chúng ta nỗ lực thực hành giáo pháp thiêng liêng thì sẽ có được

hạnh phúc dài lâu khác so với niềm vui của thế gian, chúng chỉ thoáng qua. Sự thịnh vượng cũng vô thường ở trong địa vị, quyền uy, của cải vật chất... Có khi phá sản, tù tội, thậm chí trở thành người vô gia cư. Đạo sư gọi người biết lo tích tập phước huệ là người thật sự giàu có ở thế gian này.

Ngay trong đời này, chúng ta cần đạt đến tánh Phật, thấu suốt vạn pháp duyên sinh vô ngã, phát được Bồ-đề tâm, Đại bi tâm thương khắp muôn loài chúng sinh để thực hành Bồ-tát đạo đó là tâm Phật, trí Phật, hạnh Phật, và việc làm của Phật. Buông bỏ sự chấp chặt thế gian thì ngay tức khắc thấy được sự thanh thoi an lạc. Ngược lại, chúng ta sẽ không bao giờ tìm thấy dịp may thoát khỏi sinh tử trong sự bám víu nơi thế gian!

KHÔNG CÓ HẠNH PHÚC TRONG SANH TỬ!

“Phiền não khởi ra do hoàn cảnh, thế nên hãy thoát khỏi cõi đất của thương và ghét. Chướng ngại được khởi dẫn do phóng dật, thế nên hãy giữ mối liên hệ với một bậc thầy cao cả như với một y sĩ. Nghèo khó và buồn phiền trong đời này có hệ quả từ các hành động trước kia, thế nên hãy sống những nơi ẩn cư không có người. Hành động sai lầm được tạo bởi hoàn cảnh, thế nên hãy tránh cộng

đồng xấu như với thuốc độc. Cạm bẫy xảy ra là do tà kiến, thế nên hãy học hỏi và tư duy phóng khoáng. Tiến lên hay sa đọa xảy ra với bất kỳ ai, người sống lẫn người chết, thế nên chớ phê phán người khác. Bất kỳ niềm vui và hạnh phúc nào xảy ra với con, nó là do các phước đức riêng của con, thế nên chớ kiêu hãnh. Hãy cố gắng đạt đến giác ngộ khi con có năng lực để tránh đi vào các cõi thấp của luân hồi.

Người nào sống trong hạnh xấu sẽ chịu đựng đau khổ lâu dài!”

Chúng ta sống trong một hoàn cảnh môi trường có ảnh hưởng rất lớn đến thân tâm mình, quan trọng nhất là đối với sự tu học. Ngày xưa, ngài Mạnh Tử là một triết gia lớn, gọi là Á thánh, nổi nghiệp đức Không Tử³.

3- Không phu tử hoặc Không tử là danh hiệu tôn kính của hậu thế cho Không Khâu (27 tháng 8, 551 TCN - 11 tháng 4, 479 TCN) tự Trọng Ni. Ông là người rất thông minh, luôn luôn ham học. Bất cứ việc gì, ông cũng để ý xem xét rất kỹ lưỡng để biết cho cùng tận mới thôi. Tánh ông ôn hòa, nghiêm trang,

Lúc ông ở gần lò sát sinh, thì ông cùng đám bạn chơi những trò cúng tế nô đùa. Mẹ ông thấy thế sợ ông ở đây sẽ ảnh hưởng đến việc học nên nhiều lần chuyển dời nhà, sau cùng là dời đến gần trường học. Từ đó về sau ông lo học tập. Bà mẹ giáo dục người con rất kỹ càng và thiếu phụ cũng là người rất nổi tiếng, đã thấy được sự ảnh hưởng lớn lao từ hoàn cảnh xung quanh, tác động nhận thức và lối sống con mình

khiêm tốn, làm việc gì cũng hết sức cẩn thận, đề cao lễ nhạc, luôn luôn tin vào Thiên mệnh. Ông tin rằng con người được sinh ra trên đời này là có lý do, bản thân ông được Trời giao cho sứ mệnh góp sức xây dựng nên một xã hội quý trọng đạo đức và lòng hiếu học, và ông đã giành cả đời nỗ lực cho sứ mệnh đó.

Khổng Tử thực hiện san định lại các kinh sách của Thánh hiền đời trước, lập thành 6 cuốn sách: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Dịch, Kinh Xuân Thu. Mỗi cuốn lại nói về một vấn đề khác nhau, từ thi ca, nghi lễ, bói toán cho tới sử học. Đây là bộ Bách khoa toàn thư đầu tiên trong lịch sử Trung Quốc. Ông được suy tôn như một trong những nhà khai sáng Nho giáo, đồng thời là giảng sư và triết gia lỗi lạc bậc nhất cõi Á Đông. Trí tuệ Khổng Khâu được đúc kết trong mỹ tự Vạn thế sư biểu hoặc Đại thành chí thánh tiên sư.

nên tạo điều kiện cho con sống trong môi trường thích hợp để được học hỏi. Chính vì thế, Mạnh Tử⁴ sau này trở thành bậc triết gia. Người xuất gia môi trường tu học lại càng quan trọng hơn, trong lời cảnh sách Ngài Liên Hoa Sanh nhắc nhở rất nhiều về việc

4- Mạnh Tử (372–289 trước công nguyên; có một số tài liệu khác ghi là: 385–303 hoặc 302 TCN) là nhà triết học Trung Quốc và là người tiếp nối Khổng Tử. Mạnh Tử, tên là Mạnh Kha, tự là Tử Dư, sinh vào đời vua Liệt Vương, nhà Chu, quê gốc ở đất Trâu, thuộc nước Lỗ, nay là thành phố Trâu Thành, tỉnh Sơn Đông, Trung Quốc. Ông mồ côi cha, chịu sự nuôi dạy nghiêm túc của mẹ là Chương thị (người đàn bà họ Chương). Chương thị sau này được biết tới với cái tên Mạnh mẫu (mẹ của Mạnh Tử). Mạnh mẫu đã ba lần chuyển nhà để Mạnh Tử được ở trong môi trường xã hội tốt nhất cho việc học tập, tu dưỡng. Thời niên thiếu,

Mạnh Tử làm môn sinh của Tử Tư, tức là Khổng Cấp, cháu nội của Khổng Tử. Vì vậy, ông chịu ảnh hưởng sâu sắc từ các tư tưởng Khổng giáo. Mạnh Tử là đại biểu xuất sắc của Nho giáo thời Chiến Quốc. Học thuyết của ông gói gọn trong các chữ “Nghĩa”, “Trí”, “Lễ”, “Tín”. Về cuối đời ông dạy học và viết sách, sách Mạnh Tử của ông là một trong những cuốn sách quan trọng của Nho giáo. Ông được xem là ông tổ thứ hai của nho giáo và được hậu thế tôn làm “Á thánh Mạnh Tử” (chỉ đứng sau Khổng Tử).

khuyên người phải ẩn cư vào trong núi rừng sâu để tu học. Chúng ta sống ở trên đồi núi cách biệt xóm làng, lánh xa trần tục, những tạp duyên mà lại không chuyên tâm nỗ lực tu tập thì lỗi đó do ai? Chúng ta cần phải tự xét lại bản thân.

“Phiền não khởi ra do hoàn cảnh, thế nên hãy thoát khỏi cõi đất của thương và ghét”. Đoạn này, Ngài nói sâu hơn về cõi đất thương và ghét chỉ cho thất tình lục dục, những tình cảm tâm thường thế gian ‘mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, muốn’, đúng sai hay dở, vừa lòng nghịch ý... chúng ta phải thoát khỏi mảnh đất đó thì mới có thể tiến tu. Nếu không, tuy đang bước chân trên già lam tịnh địa nhưng tâm vẫn bị ràng buộc bởi các thứ tình cảm trôi trăn, thì vẫn còn đang dẫm chân trên mảnh đất luyện ái khổ đau.

“Chướng ngại được khởi dẫn do buông lung, thế nên hãy giữ mối liên hệ với một bậc thầy cao cả như với

một y sĩ”. Tại sao mình tu không thấy tiến, học đạo không tăng trưởng, làm công quả không thấy tâm vững chắc, chính do nơi buông lung, xem thường.

Có ba vấn đề thường thấy trong cuộc sống là tu, học và làm việc. Trước tiên là học đạo, nếu không xem thầy mình giống như bác sĩ thì mình không thể nào trị hết bệnh tâm. Trong kinh *Hoa nghiêm*, đức Phật ví hình ảnh thiện tri thức là bậc y vương. Người bệnh phải thường xuyên tới lui để lương y xem mạch, theo dõi sức khỏe sau đó là cho thuốc điều trị. Chúng ta có thể dành thời gian chơi những trò tiêu khiển mà lại không có phút giây để nghe pháp, như vậy ta có thật xem thầy mình là bác sĩ ?

Có nhiều cụ già lớn tuổi chẳng ngại đường xá xa xôi, khó khăn hiểm trở, mưa gió... thậm chí xem thường sinh mạng đến viếng thăm quý thầy để cầu học chánh pháp. Vậy với những ai có diễm phúc gần thầy, được nghe

pháp mà không biết trân trọng, đến khi nhân duyên mất rồi thì hối hận đã quá muộn. Phải biết giờ tu học là giờ trị bệnh.

Không biết nắm bắt cơ hội, để cho tâm mặc tình, không có thu thúc, tự đặt mình vào trong khuôn khổ. Nếu không làm được như vậy, thầy phải đưa ra thanh quy, chính là vì lợi lạc chung cho mình và đại chúng; cho đến trong việc làm cũng vậy, không được coi nhẹ. Như việc bữa nay đi làm trễ giờ quá đường, bỏ thời ngộ trai, ngày mai trễ bỏ thời tụng luật, bữa kè bỏ giờ nghe pháp... cứ như vậy là sự buông lung phóng dật. Mỗi ngày một chút như vậy dần dà trở thành thói quen và chính tâm lười nhát giải đãi sẽ làm cho sự tu học gặp nhiều chướng ngại. Cả đến trong lời nói, hành động cũng vậy, nếu không có sự kiểm soát thì nó cũng theo đà phóng túng. Tinh tấn được một lúc lại không có sự kiên trì lâu dài, một thời gian bị tụt lại đằng sau.

“Nghèo khó và buồn phiền trong đời này có hệ quả từ các hành động trước kia, thế nên hãy sống những nơi ẩn cư không có người”. Luôn luôn ngài nhắc chúng ta phải sống ẩn cư. Như lời dạy của Bồ-tát Tịch Thiên ⁵

5- Tịch Thiên (寂天) (Santideva) (thế kỷ thứ 7- 8.) Theo truyền thuyết Tôn giả sinh ở miền Nam Ấn, vùng Sri Nagara vào khoảng thế kỷ thứ 7, là thái tử con vua Surastra. Ngài rời bỏ cung thành trốn vào rừng sâu tu tập suốt 12 năm và được truyền phép tam muội của Văn Thù Bồ Tát. Về sau, Ngài làm chức Thừa tướng cho triều vua Pancamasimha đúng theo Phật pháp và truyền dạy nhiều kỹ nghệ mới lạ. Về sau, Ngài từ bỏ chức Thừa tướng, tìm đến tu viện Nalanda, xuất gia thọ giới, được đặt tên là Santideva. Ngài tu mật hạnh, học trực tiếp với Văn Thù Bồ tát trong thiền định. Do chúng Tăng muốn làm nhục Ngài, nên đã yêu cầu Ngài nói những sáng tác mới sau này. Ngài đã tụng lên Bồ Tát Hạnh (Bodhisattava-caryavatara) và khi tụng đến câu: “Khi Có và Không không còn khởi lên trong tâm...” thì ngài bay lên hư không rồi từ từ biến mất, nhưng tiếng nói còn vọng lại cho đến câu kệ cuối cùng.

Không thấy ngài nữa, Tăng chúng hối hận trở về phòng ngài tìm kiếm, thấy trên bàn để lại ba quyển: Sutrāsamuccaya (Tập kinh luận), Siksāsamuccaya (Tập Bồ Tát học luận) và Bodhicaryāvatāra (Nhập Bồ đề hành luận). Ngoài ra còn có các tác phẩm: Đại thừa tập bồ tát học luận (Phạm: Zikwā-samuccaya), Bồ đề hành kinh (Phạm: Bodhisattvacaryāvatāra), Chư kinh yếu tập (Phạm: Sūtrasamuccaya), Câu sinh ca (Phạm: Sahaja-gītā), Thánh mệnh chung trí kinh kí [Nhập Bồ Tát Hạnh, X. History of Buddhism by Bu-ston (E.Obermiller); Aspects of Mahāyāna Buddhism and its Relation to Hinayāna (N.Dutt); The History of Buddhist Thought (E.J. Thomas)].

trong quyển *Vào hạnh Bồ-tát* có nói lên niềm hạnh phúc của người xuất gia như sau:

*“Chùng nào tôi thành thoi
Đến ở nơi am vắng
Dưới tàng cây, hang động
Không lưu luyến trần gian.*

*Bao giờ tôi mới được
Đến những vùng nguyên sơ
Không ai giành làm chủ
Không nhà cửa, tự do.*

*Bao giờ tôi mới được
Ở yên không sợ hãi
Vỏ vện một bình bát,
Một chiếc áo Cà sa
Mà kẻ trộm không thèm
Đến, đi đều tự tại.*

*Đi bộ giữa gió rừng
Nhu được quạt êm mát
Thong dong trên phiến đá*

*Như sân thượng cung vua
Dưới ánh trăng trong lành
Mùi hương trầm ngan ngát
Nghĩ đến sự giải thoát
Cho tất cả chúng sanh.*

*Tùy ý ở lâu mau
Trong căn nhà hoang vắng
Hay nơi một gốc cây
Hoặc trong những hang đá
Tâm không bận giữ của
An nhiên đi đó đây.*

*Tự tại ở hay đi
Không vương bận một ai
Đó là niềm hạnh phúc
Mà ngay cả Vua Trời
Cũng không thể hưởng được”.*

Trái ngược với thế gian, người đời đem cả cuộc đời mình tranh thủ đoạt lấy chiếm hữu. Càng tìm kiếm được lắm, nghĩ rằng sẽ có được nhiều hạnh phúc nhưng không biết là chính những gì ta có được bằng mồ hôi, máu

hồng lại là nguồn gốc của sự đau khổ, tiêu tụy, nhọc nhằn. Chỉ có bậc xuất gia tự tại, giải thoát buông xả tất cả.

Có một người đã thưa hỏi một vị Cao tăng đời Đường:

- Ngài ở đâu?

Vị ấy đáp:

- Non xanh nước biếc nhà ta đây!

Như vậy, ba ngàn đại thiên thế giới là tự viện người tu và đó cũng là hạnh phúc chân thật.

Nếu như vật chất quyết định sự an lạc thì những người giàu có nhất trên thế giới ngày nào cũng có những bài cảm xúc viết về hạnh phúc, trái lại chỉ là sự than vãn về khổ, bệnh đau, lo lắng, sợ hãi.

Bên cạnh đó là hình ảnh những người con đại gia, tỹ phú thì sa vào những tệ nạn xã hội. Không thể lấy vật chất đo lường hạnh phúc vì ngay chính đức Phật là một thái tử mà từ bỏ cung vàng điện ngọc, quay lưng với địa vị quyền uy thiên hạ.

Cho đến, chư Tổ ngày xưa như vua Trần Nhân Tông⁶ cũng chẳng đời

6- Trần Nhân Tông (7 tháng 12 năm 1258 – 14 hoặc 16 tháng 12 năm 1308) là vị hoàng đế thứ ba của vương triều Trần trong lịch sử Việt Nam. Ông trị vì từ năm 1278 đến năm 1293, sau đó làm Thái thượng hoàng từ năm 1293 cho đến khi qua đời.

Trần Nhân Tông đã triển khai nhiều biện pháp nhằm nâng cao sức mạnh kinh tế và ổn định chính trị – xã hội của Đại Việt, đồng thời xây dựng quan hệ tích cực với nước láng giềng phía nam là Chiêm Thành. Năm 1285, hoàng đế nhà Nguyên Hốt Tất Liệt huy động một lực lượng lớn (theo Đại Việt Sử ký Toàn thư là 50 vạn người) tấn công Đại Việt. Quân dân Đại Việt ban đầu gặp nhiều tổn thất; nhưng dưới sự chỉ huy của vua Nhân Tông, thượng hoàng Thánh Tông và Quốc công Tiết chế Trần Hưng Đạo, người Việt đã dần dần xoay chuyển tình thế và đánh bại quân Nguyên về nước. Sau đó, 2 vua Trần và Hưng Đạo vương tiếp tục lãnh đạo dân Việt đánh bại một cuộc xâm lược khác của Mông-Nguyên vào năm 1287.

Năm 1293, ông truyền ngôi cho thái tử Trần Thuyên (tức vua Trần Anh Tông) và lên làm Thái thượng hoàng. Sau đó Nhân Tông xuất gia tu hành theo đạo Phật và lấy hiệu Trúc Lâm đại sĩ, nhưng ông vẫn tham gia điều hành chính sự, đánh dẹp quân Ai Lao xâm phạm biên giới và mở rộng bờ cõi về phương Nam bằng phương pháp ngoại giao. Trần Nhân Tông cũng chính là vị tổ sáng lập của Thiền phái Trúc Lâm, một dòng thiền Phật giáo mang bản sắc văn hóa Việt Nam và tinh thần nhập thế.

hoài ngại vì một mình lên núi Yên Tử, làm sáng rõ Phật giáo đời Trần lập lên dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử. Đây là niềm hạnh phúc của bậc xuất trần thượng sĩ mà vua trời cũng không sánh được. Không có trụ xứ mà trời đất là nhà với một chiếc y, bình bát. Không có gia đình, lục đạo chúng sinh mười phương pháp giới là bà con quyến thuộc. Ngày hôm nay, chúng ta vì phương tiện độ chúng có lập ra đạo tràng nhưng trong tâm của mình là ‘*mây bay nước chảy*’, đó là bản sắc người xuất gia. Ngay nơi thân cũng không phải là ta, là của ta, cho đến những kiến thức hiểu biết cũng không thuộc tự ngã này, đó là của Tam Bảo, thầy Tổ trao truyền lại. Các bậc Tiên đức nói:

*“Trong kho vô tận không một vật,
Có trăng có hoa có lầu đài”.*

Chúng ta phải thấy cho được ánh trăng tự tâm không có mây đen, mây trắng, trăng của Bồ-đề tâm không có

trở ngại mưa nắng. Sư tu hành siêu việt những lạc thú thế gian, đó là sống nơi ẩn cư không có người, là trú xứ mười phương ba đời chư Phật. Trong kinh *Nguyệt đăng tam muội* nói: “*Nếu có người nào vừa phát khởi suy nghĩ: ‘tôi sẽ đến chỗ xa vắng núi rừng, kẻ đi vài bước hướng đến chỗ đó thì phước báo công đức hơn người đem vàng ròng châu ngọc bỏ thí cho khắp Tam thiên đại thiên thế giới’*”.

Trong kinh *Di giáo*, đức Phật có dạy rằng: “*Người sống ở nơi xa vắng thì vua Trời Đế Thích cũng phải kính lễ*”. Ở chỗ xa vắng chư Thiên thường đến hộ trì, nhất là Pháp luân thường chuyển. Chư Thiên nghe pháp, hộ pháp và tạo điều kiện hoằng pháp.

“*Hành động sai lầm được tạo bởi hoàn cảnh, thế nên hãy tránh cộng đồng xấu như với thuốc độc*”. Hiện tại bây giờ cả thế giới suy đồi về đạo đức và những phẩm hạnh, có rất nhiều tệ nạn phát sanh, tình nghĩa không

còn, con người hung hăng tàn bạo, lợi dụng cho đến giết hại lẫn nhau. Cho nên, đứng trên phương diện tự tu mình phải tránh xa những việc xấu ác, thầy tà bạn dữ, những hoàn cảnh khiến tâm trở nên loạn động.

“*Cam bẫy xảy ra là do tà kiến, thế nên hãy học hỏi và tư duy phóng khoáng*”. Sở dĩ chúng ta bị vướng vào cảm bẫy là do thấy biết lệch lạc, chưa hiểu biết mà cho đã hiểu biết, chưa thông suốt cho đã thông suốt, học được một ít tự cho đã đến nơi, đóng bít cửa trí tuệ, cực đoan, kiến chấp. Thậm chí, những lời thầy của mình nói có khi xem thường nghĩ mình đã hiểu, nếu cứ giữ chặt cái thấy đó mình sẽ đi vào đường tà. Dầu cho có thực hành đi nữa cũng bị nghiêng lệch không đúng với sự thấy biết chân xác và viên mãn của đại thừa. Chỉ khi nào vào dòng Pháp, thấy được đúng nhưng cũng chưa được viên mãn.

Một ấn tượng sâu sắc, cô Hòa

thượng chùa Bửu Liên khi đã 90 tuổi lên đến chức Đại lão Hòa thượng, từng hướng dẫn kinh *Kim cang* cho chư Tăng mà còn ngồi bên dưới để lắng nghe các thầy trẻ tuổi giảng nói Phật pháp. Chúng ta chỉ là cư sĩ hay mới thọ Sa-di mà không kính pháp làm sao được pháp? Trong giới Bồ-tát bất cứ nghe chỗ nào mà có Pháp sư giảng kinh bao nhiêu dăm, nếu không đi đến cầu pháp thì phạm giới. Nghe pháp phải bằng sự tha thiết chân thành! Ví như đói cần được ăn, khát cần uống, như mưa mà có chỗ trú ẩn, như đang nắng hạn mà gặp được bóng cây, luôn sanh tâm khát ngưỡng pháp như vậy.

Học hỏi và tư duy phải rộng rãi đừng có bám chấp vào pháp nào. Chấp những cái bên ngoài còn dễ phá, còn chấp pháp lại rất khó trừ, vì họ nghĩ pháp luôn luôn là đúng. Đòi đòi kiếp kiếp nắm chặt không có buông ra. Cho nên, học đạo phải để tâm rộng lạng mới được.

“*Bất kỳ niềm vui và hạnh phúc nào xảy ra với con, nó là do các phước đức riêng của con, thế nên chớ kiêu hãnh*”. Chúng ta được gì như ý để sinh kiêu hãnh lắm, chẳng hạn những người giàu có thường hay xem thường những người nghèo khó, không giao tiếp những giới bình dân. Kiêu hãnh về sắc đẹp, như người đẹp dễ nên không thích gần gũi những người xấu, chỉ chọn những người đẹp mới nói chuyện. Kiêu hãnh về kiến thức như mình là học giả, nhà nghiên cứu, có bằng cấp cao xem thường những người ít học. Chúng sinh bị luân hồi là vậy, gặp gì vướng nấy, được gì chấp nấy.

Những gì chúng ta có chỉ là hạt cát giữa đại dương; ngoài trời có trời, trên người có người... phải biết những bậc đại nhân, Bồ-tát hy sinh thân mạng nhiều như cát bụi để vì cứu độ chúng sinh, các Ngài không bao giờ cư trú nơi công tích của mình, bày tỏ ra cho

người ta biết là mình có công.

Hãy luôn luôn nghĩ đến ân đức sáu đường chúng sinh, quán xét như vậy mới có thể đạt đến chỗ đại công, vô vi vô lậu của Phật quả, vô ngã của Niết-bàn. Ngay khi làm cũng là lúc buông xả, như vậy mới tương ứng tâm không của Bát-nhã, với đại bi Bồ-đề tâm của chư Bồ-tát. Do đó, dùng ngọn đèn trí huệ soi chiếu tận trong tâm khảm đừng để cho lòng kiêu hãnh bám trụ sinh trưởng trong tâm. Người bình thường chấp ở nơi thức thứ sáu - phân biệt suy tính, chấp ngã. Người tu dùng trí vô ngã kết hợp với thức thứ sáu trở thành ‘Diệu quan sát trí’⁷, tức là trí quán sát nhiệm mầu trong mỗi lúc, mỗi niệm sinh ra vô lượng vô biên công đức. Sự giải thoát Chính trí này làm ra tự lợi, lợi tha cho vô lượng an lạc của mười

7- Diệu quan sát trí: Theo môn Duy thức học, thì mục đích của tu hành là chuyển vọng thức thành trí tuệ. Đối với bậc Thánh đã giác ngộ, thì ý thức, tức thức thứ sáu không còn nữa mà chuyển thành trí tuệ quán sát, thấy biết được mọi việc đều như thật.

phương pháp giới chúng sinh, đó là sự kỳ diệu nơi tâm mình. Sử dụng thức thứ sáu với trí chấp ngã trở thành ‘phân biệt sự thức’ là nguồn gốc của vô minh, kiến chấp, phiền não...

“Sanh tử không biến mất khi con chết ; con lại sẽ đi lang thang qua ba cõi. Không có hạnh phúc trong cuộc sanh tử; con không bao giờ vượt qua khổ đau dầu con có sinh ra chỗ nào trong sáu loại chúng sanh. Con đã lang thang biết bao nhiêu trong quá khứ, chịu đựng đau đớn không nói hết! Và con sẽ tiếp tục lang thang qua sanh tử, lắc lư theo những ngọn sóng khổ đau. Tốt hơn là thực hành Pháp và cắt đứt sự trôi buộc của con vào đau khổ. Trừ phi con đến đất liền, con không thể nào dẫn người khác ra khỏi sanh tử.

Nhưng hình như tất cả hành giả vẫn gắn liền với sự vui chơi của thế gian và lại tự ném mình trở lại sanh tử”.

Nhiều người có ý nghĩ chết rồi là

hết, nên khi gặp những bế tắc muốn đi tự tử. Nhưng vấn đề lớn sau khi chết họ sẽ hoảng loạn, sợ hãi đi lang thang trong chỗ mịch mù tăm tối, không phải như lúc còn sống ta làm chủ thân thể, lời nói, suy nghĩ có thể quyết định đi con đường nào. Do vậy, hãy làm hết mọi việc lúc đang sống, đem hết sức mình hành trì tu tập ngay bây giờ.

Ngài Liên Hoa Sanh nói: “*Làm gì có hạnh phúc trong cuộc sinh tử*”, đây là câu nói xác đáng, chí lý tột cùng của khổ đế trong bốn sự thật, là lời nói đầu tiên của đức Phật khi mới vận chuyển bánh xe pháp. Trên thế gian có ai đạt được ngũ dục giống như ý nguyện của mình? Dầu cho mình có đạt được gì cũng đi đến chỗ tiêu mất, đó gọi là hoại khổ, huống chi không thành tựu đúng như ước muốn của mình.

Đến khi khổ quả nếm nằm hấp hối trên giường bệnh tới lúc ấy mới thấy được thì đã quá muộn. Khi trời sáng không tranh thủ về nhà đợi đến

lúc đêm đen mưa bão thì làm sao về được? Chúng ta còn sức khỏe, thời gian, tranh thủ mà thực hành tâm linh. Còn ở trong sáu nẻo luân hồi thì không thể vượt qua đau khổ dù đó là cảnh giới chư Thiên. Một ngày một đêm trên đó bằng hàng trăm năm ở cõi người, tuy thế nhưng khi phước cõi trời hết thì năm tướng suy biểu hiện, hết phước sẽ bị đọa lạc trong ba đường ác, bởi lẽ các vị ấy không biết Tam bảo, chẳng chịu tu hành. Trong lúc điềm báo cho họ sắp chết, với sự hoảng sợ trong lòng chỉ một khoảng thời gian ngắn thôi mà dài năm bảy trăm năm dưới nhân gian. Cõi người so với chư Thiên như hoa phù dung sớm nở tối tàn.

“Nhưng hình như tất cả hành giả vẫn gắn liền với sự vui chơi của thế gian và lại tự ném mình trở lại sanh tử”. Chúng ta tu nhưng vẫn còn vui thích ở thế gian, thân tuy ra khỏi

nhưng tâm thì vẫn chưa rời, như thế là còn gắn liền với thế gian. Ta cần phải tinh tấn phát tâm cầu giác ngộ vượt thoát sáu nẻo luân hồi!



MỤC LỤC

***** 000 *****

01- Sự chào đời của Thánh giá.....	06
02- Lên đường đến xứ Tây Tạng.....	09
03- Những lời giáo huấn.....	13
04- Thân người quý báu	18
05- Nghĩ về sự chết!.....	39
06- Hãy để thời gian thực hành pháp	58
07- Không có hạnh phúc trong sanh tử ..	81

Thuyết giảng: **ĐĐ. Thích Minh Thành**

Chuyển thành văn bản: **Thích Pháp Sơn**

Chỉnh sửa: **Minh Phú, Thiện Ngộ**

Thiết kế bìa: **Minh Phú**

In ấn và đóng bìa: **Thành Đạt**

Facebook: **face.com/tusachphapan**

E-mail: **linhquyphapan@gmail.com**

Website: **http://www.phapan.vn**

http://www.linhquyphapan.vn

*Phật pháp là thuốc quý chữa lành
tất cả bệnh khổ và là con thuyền
đưa mọi người đến bến bờ giải
thoát an lạc vĩnh viễn. Cho nên
cần giữ gìn và truyền bá rộng rãi.
Xin tán thán công đức phổ biến bài
pháp này dưới mọi hình thức và
không cần phải xin phép bản quyền.*

Nam Mô

Bốn Sư Thích Ca Phật





Ban Văn Hóa Pháp Ấn
tháng 1 năm 2017